

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

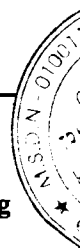
BẢN SÁCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-51



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

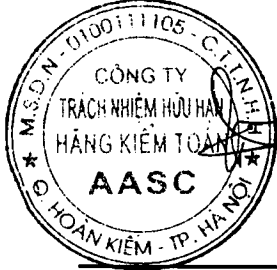
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng . 8 . năm 2016 .

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

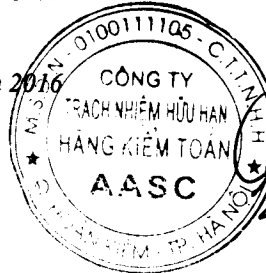
Vũ Xuân Biên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016



Cát Thị Hà

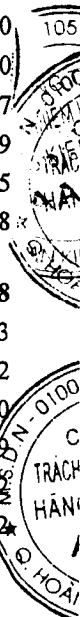
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.098.121.929.560	3.466.217.585.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	518.493.494.834	770.927.664.834
111	1. Tiền		337.190.219.960	340.160.278.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		181.303.274.874	430.767.385.898
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	448.433.560.889	271.325.737.173
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		448.433.560.889	271.325.737.173
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.006.793.864.550	1.022.896.544.181
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	964.049.114.852	914.121.519.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		42.533.295.302	57.343.228.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	33.193.522.700	16.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.644.761.572	85.899.512.244
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(46.632.565.353)	(51.629.924.031)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.005.735.477	277.087.809
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.089.029.229.696	1.378.861.337.210
141	1. Hàng tồn kho		1.094.473.019.541	1.387.600.833.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.443.789.845)	(8.739.496.200)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.371.779.591	22.206.302.080
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.406.586.738	2.380.796.252
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		32.948.871.522	18.802.545.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	16.321.331	1.022.960.550
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.819.382.361.671	1.680.198.233.075
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		395.000.000	8.523.772.476
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	457.724.476
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	395.000.000	8.066.048.000
220	II. Tài sản cố định		981.971.979.497	750.065.201.022
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	925.140.436.177	675.109.785.964
222	- Nguyên giá		1.715.524.224.347	1.512.780.293.213
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(790.383.788.170)	(837.670.507.249)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	56.831.543.320	74.955.415.058
228	- Nguyên giá		68.819.552.152	84.863.183.598
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.988.008.832)	(9.907.768.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		44.873.799.497	337.570.727.947
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	44.873.799.497	337.570.727.947
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	646.827.240.129	456.640.221.118
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		638.870.867.329	449.133.104.318
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.491.514.600	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(535.141.800)	(984.397.800)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		145.314.342.548	127.398.310.512
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	143.919.494.156	123.442.256.767
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.a	1.394.848.392	3.956.053.745
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.924.215.058.500	2.407.699.506.770
310	I. Nợ ngắn hạn		1.800.610.784.387	2.294.253.255.662
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	571.664.467.750	576.964.314.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		95.368.632.658	118.621.678.224
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	29.164.746.632	52.288.685.558
314	4. Phải trả người lao động		110.252.303.880	143.747.897.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	34.017.384.934	86.709.024.960
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	18.530.302.185	58.434.941.980
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	365.956.116.354	331.333.663.527
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	504.114.164.978	806.250.113.649
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	43.641.992.233	77.455.883.215
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.900.672.783	42.447.052.888
330	II. Nợ dài hạn		123.604.274.113	113.446.251.108
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	36.865.162.057	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	8.900.875.882	7.597.579.662
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	17.213.189.000	28.380.689.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.b	234.802.801	528.689.079
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	49.382.894.377	43.481.057.652
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		11.007.349.996	23.512.685.542



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.993.289.232.731	2.738.716.311.783
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.981.559.990.574	2.727.712.916.008
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.050.714.170	47.513.826.624
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(7.125.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		84.376.333	960.044.030
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		123.438.566.724	107.862.750.909
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	198.392.508
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		744.300.401.229	629.439.175.337
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		423.190.425.666	311.007.098.478
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		321.109.975.563	318.432.076.859
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		455.332.932.118	548.863.726.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.729.242.157	11.003.395.775
431	1. Nguồn kinh phí		4.011.662.947	1.857.403.945
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.717.579.210	9.145.991.830
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553

[Signature]

[Signature]



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	8.630.723.684.053	9.317.276.336.021
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	248.016.241.157	582.253.464.449
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.382.707.442.896	8.735.022.871.572
11	4. Giá vốn hàng bán	26	7.276.539.684.313	7.480.197.065.732
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.106.167.758.583	1.254.825.805.840
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	130.147.064.204	62.602.582.164
22	7. Chi phí tài chính	28	130.345.487.560	63.051.135.790
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.828.381.840	66.136.795.496
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.198.438.999	44.203.620.719
25	9. Chi phí bán hàng	29	201.090.967.584	349.596.040.220
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	338.748.091.893	344.502.283.936
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		571.328.714.749	604.482.548.777
31	12. Thu nhập khác	31	6.462.728.666	13.964.037.229
32	13. Chi phí khác	32	3.388.813.123	45.217.324.768
40	14. Lợi nhuận khác		3.073.915.543	(31.253.287.539)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	118.297.862.487	125.951.156.146
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		108.281.913	(947.112.464)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		455.996.485.892	448.225.217.556
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		321.109.975.563	318.432.076.859
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		134.886.510.329	129.793.140.697
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.187	2.286




Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		97.653.503.258	104.567.782.106
03	- Các khoản dự phòng		74.716.618.222	(7.741.010.911)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.145.269.575)	(1.548.292.448)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(172.372.046.107)	(100.455.987.991)
06	- Chi phí lãi vay		54.828.381.840	66.136.795.496
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		627.083.817.930	634.188.547.490
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(215.694.534.103)	248.546.065.453
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(128.528.629.928)	(93.690.001.364)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		194.224.395.547	129.281.542.568
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(28.788.629.089)	(3.291.378.102)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(55.392.795.264)	(68.788.762.134)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.217.626.226	16.245.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(295.788.764.748)	(179.895.510.887)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.537.208.485	555.894.338.639
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(201.507.426.652)	(185.285.793.108)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		702.080.000	8.016.582.285
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(459.193.246.676)	(231.098.759.131)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		282.085.422.960	213.679.563.369
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.653.040.249)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	73.517.183.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.822.728.550	56.945.799.568
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(352.743.482.067)	(64.225.424.017)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		224.306.340.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Tổng Công ty		216.510.000.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Công ty con		7.796.340.000	-
33	4. Tiền thu từ đi vay		1.473.067.321.335	2.221.336.348.285
34	5. Tiền trả nợ gốc vay		(1.377.507.233.285)	(2.270.321.956.784)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(225.079.517.819)	(166.620.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		94.786.910.231	(215.606.338.499)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(252.419.363.351)	276.062.576.123
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		770.927.664.834	494.352.346.689
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(14.806.649)	512.742.022
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>518.493.494.834</u>	<u>770.927.664.834</u>

[Handwritten signature]

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

[Handwritten signature]

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



[Handwritten signature]
Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Cấu trúc Tổng Công ty

- **Tổng số Công ty con: 11 công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 06 công ty con trực tiếp và 05 công ty con gián tiếp. Trong đó số lượng được hợp nhất đến thời điểm mất quyền kiểm soát là 01 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp.
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có.
- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong năm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%. Trong năm, Công ty Cổ phần Thiết bị điện cũng hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- **Tổng Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia (1)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương (2)	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu đã góp của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi (*)	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia) (*)	Phnom Penh, Campuchia	53,59%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(*) Công ty con trực tiếp và các Công ty con gián tiếp được hợp nhất tới thời điểm Tổng Công ty mất quyền kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 42.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Ban Tổng Giám đốc được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.581.166.806	4.201.727.172
Tiền gửi ngân hàng	332.609.053.154	335.958.551.764
Các khoản tương đương tiền	181.303.274.874	430.767.385.898
	518.493.494.834	770.927.664.834

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
- Tiền gửi có kỳ hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Địa chỉ	31/12/2015			01/01/2015		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ
				VND			VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	20.360.017.528	34,27%	34,27%	20.188.297.220
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	5.528.359.676	45,00%	45,00%	5.524.630.171
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	114.115.327.257	36,35%	36,35%	119.105.505.506
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (1)	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	7.049.361.952	51,00%	51,00%	-
- Công ty CP Thiết bị điện (2)	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	198.878.604.355	65,16%	65,16%	-
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	292.939.196.561	23,11%	23,11%	304.314.671.421
				638.870.867.329			449.133.104.318

(1) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(2) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 41.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(535.141.800)	2.178.670.000	(984.397.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	67.408.349.632	26.403.122.171
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	78.030.669	74.617.874.069
- Electricite Du Cambodge (EDC)	-	19.608.870.986
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng	-	2.706.238.700
- Công ty Cổ phần Điện máy TP. Hồ Chí Minh	-	31.653.787.155
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	-	18.613.153.958
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	38.775.578.887	18.826.721.261
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.289.526.417
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đức Tường PQ	51.114.618.503	45.399.984.953
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	61.550.243.456	52.969.628.527
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	63.448.616.616	54.340.549.584
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	15.811.537.610	-
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	23.736.287.344	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	622.865.325.718	549.692.061.876
	<u>964.049.114.852</u>	<u>914.121.519.657</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.	<u>28.442.067.021</u>	<u>3.201.857.600</u>

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	308.402.700	-
	<u>33.193.522.700</u>	<u>16.885.120.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.644.761.572	-	85.899.512.244	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.491.439.432	-	4.223.515.094	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	105.732.846	-	267.004.449	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	17.357.999	-	18.419.563	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.413.620	-	12.074.700	-
Tạm ứng	4.890.590.185	-	16.321.780.495	-
Ký cược, ký quỹ	3.632.172.469	-	51.811.608.278	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	9.151.710	-	8.953.733.946	-
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	1.100.000.000	-	-	-
Phải thu khác	376.903.311	-	3.291.375.719	-
b) Dài hạn	395.000.000	-	8.066.048.000	-
Ký cược, ký quỹ	395.000.000	-	8.066.048.000	-
	13.039.761.572	-	93.965.560.244	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417	19.289.526.417	19.289.526.417
RMM METALLHANDEL GMBH	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896
Công ty Cổ phần điện Sóng Thần	-	-	2.054.418.077	2.054.418.077
Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	-	-	2.511.834.934	2.511.834.934
Các khoản khác	30.709.480.227	28.339.224.569	36.429.540.735	24.862.045.489
	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813

Giá trị có thể thu hồi được ghi nhận căn cứ đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các Công ty con. Đối với các khoản nợ xấu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam số dư các khoản nợ xấu đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc bên nợ phải trả là 19.445.763.787 đồng, số còn lại là 6.871.886.896 đồng được chờ quyết định của Tòa án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.301.117.300	-	17.092.537.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	318.564.535.179	-	363.507.740.731	(183.160.618)
Công cụ, dụng cụ	3.436.578.236	-	5.022.129.334	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	112.003.204.172	-	169.909.447.845	-
Thành phẩm	596.464.177.207	(5.164.038.845)	665.122.367.802	(8.276.584.582)
Hàng hoá	44.288.279.252	(279.751.000)	152.214.105.099	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	13.415.128.195	-	14.732.504.661	-
	1.094.473.019.541	(5.443.789.845)	1.387.600.833.410	(8.739.496.200)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	40.276.323.737	314.157.186.967
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	4.526.282.862	297.305.468.099
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện từ tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	7.796.532.540	5.683.541.634
Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	369.500.750	2.143.754.760
Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh (*)	16.141.737.636	260.410.182
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	5.243.205.244	-
Công trình khác	2.060.849.795	4.625.797.382
- Mua sắm tài sản cố định	3.882.522.088	21.773.910.400
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	-	15.100.000.000
Dây chuyền máy kéo đại	-	3.400.000.000
Phần mềm ERP	3.287.000.400	2.872.460.400
Các tài sản khác	595.521.688	401.450.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	714.953.672	1.639.630.580
Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	622.856.122	1.639.630.580
Sửa chữa lớn tài sản cố định khác	92.097.550	-
	44.873.799.497	337.570.727.947

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213
- Mua trong năm	28.298.987.218	75.162.639.036	18.324.916.272	848.956.726	-	122.635.499.253
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	246.018.606.012	21.421.205.960	837.233.638	82.811.532.777	-	351.088.578.387
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	39.487.500	2.406.293	-	41.893.793
- Thanh lý, nhượng bán	(804.532.536)	(2.727.854.819)	(1.036.594.919)	-	-	(4.568.982.274)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(95.460.396.219)	(142.339.357.958)	(23.150.877.493)	(5.051.458.568)	(80.400.000)	(266.082.490.238)
- Giảm khác	(370.567.787)	-	-	-	-	(370.567.787)
- Phân loại lại	-	970.365.811	(875.960.811)	(94.405.000)	-	-
Số dư cuối năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	-	1.715.524.224.347
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249
- Khấu hao trong năm	27.306.471.406	57.098.213.953	7.861.445.494	6.228.849.077	-	98.494.979.930
- Khấu hao tài sản hình thành từ dự án KHCN	-	2.896.733.171	-	79.365.000	-	2.976.098.171
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	16.366.441	891.907	-	17.258.348
- Thanh lý, nhượng bán	(162.094.174)	(1.938.821.621)	(188.020.423)	-	-	(2.288.936.218)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(36.820.986.319)	(92.574.887.850)	(12.742.807.849)	(4.254.868.439)	(80.400.000)	(146.473.950.457)
- Phân loại lại	(11.502.187)	950.345.734	(875.960.811)	(75.051.589)	-	(12.168.853)
Số dư cuối năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	-	790.383.788.170
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964
Tại ngày cuối năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	-	925.140.436.177

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 152.172.471.471 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 386.855.983.031 đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
- Mua trong năm	-	6.067.200.000	-	6.067.200.000
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	(20.529.754.848)	(1.533.694.725)	-	(22.063.449.573)
Số dư cuối năm	58.907.317.659	7.263.595.067	2.648.639.426	68.819.552.152
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
- Khấu hao trong năm	1.033.159.048	1.631.158.051	163.012.158	2.827.329.257
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	-	(699.707.092)	-	(699.707.092)
Số dư cuối năm	7.851.827.153	2.751.544.508	1.384.637.171	11.988.008.832
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058
Tại ngày cuối năm	51.055.490.506	4.512.050.559	1.264.002.255	56.831.543.320

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn với tổng số tiền là 50.991.285.959 đồng, là quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với thời hạn sử dụng là 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Còn lại là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng số tiền là 8.328.636.676 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	2.406.586.738	2.380.796.252
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.237.762.135	2.380.796.252
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	65.000.925	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.103.823.678	-
b) Dài hạn	143.919.494.156	123.442.256.767
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.812.029.259	11.671.271.641
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.104.468.867	5.445.295.097
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.276.448.872	12.001.250.757
Chi phí thuê đất trả trước	111.421.492.433	92.818.552.769
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.305.054.725	1.505.886.503
	146.326.080.894	125.823.053.019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Ngô Han	-	-	21.784.112.895	21.784.112.895
- Công ty TNHH Trung tâm thép NSSB Sài Gòn	-	-	24.922.014.508	24.922.014.508
- Công ty LG International (HK)	35.028.075.466	35.028.075.466	-	-
- LS NIKKO COPPER INC.	33.654.074.601	33.654.074.601	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	56.157.913.449	56.157.913.449	9.414.957.749	9.414.957.749
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	17.279.749.520	17.279.749.520	1.077.687.600	1.077.687.600
- Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	51.654.495.103	51.654.495.103	30.729.257.457	30.729.257.457
- Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	73.838.368.564	73.838.368.564	38.150.382	38.150.382
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	25.052.616.758	25.052.616.758	-	-
- DAEWOO INTERNATIONAL CORP.	13.418.105.039	13.418.105.039	93.228.742.051	93.228.742.051
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	94.473.185.907	94.473.185.907	123.193.260.639	123.193.260.639
- Phải trả các đối tượng khác	171.107.883.343	171.107.883.343	272.576.130.791	272.576.130.791
	571.664.467.750	571.664.467.750	576.964.314.072	576.964.314.072
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)	95.298.974.007	95.298.974.007	123.193.260.639	123.193.260.639

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số giảm trong năm (*)	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	43.310.410	10.149.476.457	142.383.269.172	149.691.892.911	9.632.950	2.807.175.258
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538	150.639.429	2.188.304.967	2.339.164.239	6.688.381	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602	38.331.740.850	95.949.071.664	109.223.836.655	-	24.083.794.257
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.500.748.626	11.285.723.603	12.516.855.352	-	2.269.616.877
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	113.625.218	14.715.273.223	14.824.738.201	-	4.160.240
Các loại thuế khác	-	42.454.978	532.296.889	574.751.867	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	29.649.611	29.649.611	-	-
	1.022.960.550	52.288.685.558	267.083.589.129	289.200.888.836	16.321.331	29.164.746.632

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số giảm trong năm bao gồm số tiền thực nộp trong năm và số giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	197.007.906	978.272.162
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	4.257.853.767	3.388.784.891
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	14.196.798.172	47.163.601.097
- Chi phí hoa hồng	-	21.596.588.670
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	1.413.720.000	-
- Trích trước chi phí khuyến mại	6.974.241.959	6.572.851.000
- Chi phí phải trả khác	3.906.887.630	3.938.051.640
	<u>34.017.384.934</u>	<u>86.709.024.960</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.530.302.185	58.434.941.980
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.367.584.028	872.149.354
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	2.245.263.612	2.767.517.405
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	14.917.454.545	54.795.275.221
b) Dài hạn	36.865.162.057	9.945.550.193
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865.162.057	9.945.550.193
	<u>55.395.464.242</u>	<u>68.380.492.173</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	365.956.116.354	331.333.663.527
- Tài sản thừa chờ giải quyết	711.508.637	1.087.852.802
- Kinh phí công đoàn	1.827.363.518	2.928.982.471
- Bảo hiểm xã hội	643.113.182	343.516.974
- Bảo hiểm y tế	72.090.053	121.826.929
- Bảo hiểm thất nghiệp	57.320.033	217.235.866
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.399.158.645	252.550.342.331
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.320.000	808.210.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	8.847.566.054	2.288.720.969
- Phải trả lãi vay	325.463.455	108.612.623
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC góp thêm vốn điều lệ	-	10.000.000.000
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	7.796.340.000	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	16.699.815.109	-
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	5.307.769.345	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.138.288.323	3.914.014.316
b) Dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
	<u>374.856.992.236</u>	<u>338.931.243.189</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	762.748.904.787	762.748.904.787	1.428.148.009.127	1.712.814.293.991	478.082.619.923	478.082.619.923
- Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	29.052.953.090	29.052.953.090	38.098.812.208	55.308.220.243	11.843.545.055	11.843.545.055
- Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	260.255.772	260.255.772	-	260.255.772	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000
	806.250.113.649	806.250.113.649	1.484.234.821.335	1.786.370.770.006	504.114.164.978	504.114.164.978
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	42.568.689.000	42.568.689.000	-	14.188.000.000	28.380.689.000	28.380.689.000
- Vay dài hạn Ngân hàng	260.255.772	260.255.772	3.020.500.000	260.255.772	3.020.500.000	3.020.500.000
	42.828.944.772	42.828.944.772	3.020.500.000	14.448.255.772	31.401.189.000	31.401.189.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.448.255.772)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.188.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	28.380.689.000	28.380.689.000			17.213.189.000	17.213.189.000

12/2015 31/12/2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi tiết số dư các khoản vay:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	504.114.164.978	806.250.113.649
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.082.619.923	762.748.904.787
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	59.174.463.176	29.050.925.533
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	315.415.287.947
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	97.457.780.191
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	5.091.823.440	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	-	67.093.620.809
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	157.108.792.439	88.854.600.473
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	22.825.223.351	7.494.979.818
Ngân hàng TMCP Quân đội	130.605.674.167	54.984.151.929
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	94.409.634.132	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	-	5.311.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	5.485.982.888	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	9.986.556.490
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	3.381.026.330	87.099.501.597
Vay ngắn hạn tổ chức	1.350.000.000	1.350.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.300.000.000	1.150.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	50.000.000	100.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	100.000.000
Vay cá nhân	10.493.545.055	27.702.953.090
Vay dài hạn đến hạn trả	14.188.000.000	14.448.255.772
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	260.255.772
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	14.188.000.000	14.188.000.000
b) Vay dài hạn	17.213.189.000	28.380.689.000
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.192.689.000	28.380.689.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	3.020.500.000	-
	521.327.353.978	834.630.802.649

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.641.992.233	77.455.883.215
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	43.641.992.233	77.455.883.215
b) Dài hạn	49.382.894.377	43.481.057.632
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	49.382.894.377	34.139.544.070
- Dự phòng phải trả khác (Dự phòng phải trả trợ cấp mất việc làm)	-	9.341.513.562
	93.024.886.610	120.936.940.847

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	64.580.464.743	186.096.715	571.636.332.758	451.373.236.710	2.531.084.564.955
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	318.432.076.859	129.793.140.697	448.225.217.556
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	43.282.286.166	145.555.599	(83.097.049.954)	(20.304.326.920)	(59.973.535.109)
Chi trả cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(69.975.746.000)	(69.975.746.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(2.100.000.000)	140.436.625	-	-	5.987.574.849	42.063.509.029	46.091.520.503
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(15.913.913.084)	15.913.913.084	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(133.259.806)	(205.846.091)	-	(339.105.897)
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	321.109.975.563	134.886.510.329	455.996.485.892
Phân phối lợi nhuận của mẹ	-	-	-	-	-	29.500.000.000	-	(45.655.000.000)	-	(16.155.000.000)
Phân phối lợi nhuận của các công ty con	-	-	-	-	-	8.981.561.604	-	(22.646.866.490)	(8.405.162.687)	(22.070.467.573)
Chi trả cổ tức của mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(63.560.472.904)	(63.560.472.904)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành liên kết	-	-	(463.112.454)	2.100.000.000	(838.620.418)	(21.149.044.647)	(198.392.508)	30.577.383.041	(169.558.509.139)	(159.530.296.125)
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(37.047.279)	-	-	6.992.555	-	(30.054.724)
Số dư cuối năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	0,00%	-	87,17%	1.220.448.000.000
Các cổ đông khác	9,68%	150.000.000.000	0,00%	-
Cổ phiếu quỹ	90,00%	1.395.000.000.000	12,47%	174.552.000.000
	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	700.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	154.500.000	139.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	123.438.566.724	107.862.750.909
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	198.392.508
	123.438.566.724	108.061.143.417

22 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	(37.047.279)	140.436.625
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển Công ty con thành Công ty liên kết	(838.620.418)	-
	(875.667.697)	140.436.625

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Tài sản nhận giữ hộ	-	11.336.052.670
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	11.336.052.670
b) Nợ khó đòi đã xử lý	9.524.621.748	9.524.621.748
c) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.410.425,78	3.117.490,89
- Đồng Bảng Anh (GBP)	196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	1.923,75	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	585,48	3.385,48
- Đồng đô la Úc (AUD)	-	250,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	62.028.859,00	166.413.523,19

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.440.471.204.776	5.504.179.940.394
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	3.005.164.621.981	3.626.643.509.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.654.338.144	169.510.394.780
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.433.519.152	16.942.491.280
	<u>8.630.723.684.053</u>	<u>9.317.276.336.021</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)	<u>150.693.011.553</u>	<u>2.396.941.462</u>

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	233.769.642.562	565.842.428.634
Hàng bán bị trả lại	14.246.598.595	311.121.000
Giảm giá hàng bán	-	16.099.914.815
	<u>248.016.241.157</u>	<u>582.253.464.449</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.288.432.342.700	3.849.393.897.231
Giá vốn của hàng hóa, vật tư, phế liệu đã bán	2.858.716.412.663	3.501.119.668.558
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	106.028.536.499	107.569.866.761
Giá vốn hoạt động xây dựng	11.054.072.040	15.332.916.889
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	196.106.412	379.581.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.112.213.999	6.401.134.820
	<u>7.276.539.684.313</u>	<u>7.480.197.065.732</u>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.544.412.931	35.035.291.563
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	306.138.901	751.539.661
Lãi bán các khoản đầu tư	220.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.702.479.511	21.310.897.049
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.161.566.853	3.955.530.864
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.177.708.362	1.549.323.027
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.757.646	-
	<u>130.147.064.204</u>	<u>62.602.582.164</u>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	54.828.381.840	66.136.795.496
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	587.490.486	5.501.421.532
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	65.888.679.265	1.713.573.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.837.688.344	5.482.886.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	32.438.787	1.030.579
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(466.203.037)	(16.931.354.000)
Chi phí tài chính khác	637.011.875	1.146.782.416
	<u>130.345.487.560</u>	<u>63.051.135.790</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.307.483.018	17.282.331.582
Chi phí nhân công	32.134.567.198	40.586.108.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.943.037.244	2.273.182.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.187.838.260	69.726.009.187
Chi phí khác bằng tiền	49.438.713.020	164.242.653.213
Chi phí bảo hành	39.079.328.844	55.485.755.520
	201.090.967.584	349.596.040.220

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.088.792.801	11.454.451.270
Chi phí nhân công	166.065.862.040	156.537.430.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.799.799.878	15.855.256.215
Thuế, phí, lệ phí	12.313.895.849	9.645.930.871
Chi phí dự phòng	16.148.019.389	25.730.481.566
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	-	16.620.685.542
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	5.439.866.636	6.320.587.753
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.708.152.753	2.789.208.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.322.843.229	36.435.659.536
Chi phí khác bằng tiền	82.008.878.707	88.843.073.968
	338.748.091.893	344.502.283.936

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.018.192.584	7.684.358.781
Tiền phạt thu được	2.906.000	-
Thuế được giảm	4.606.364	-
Thu từ hỗ trợ lãi suất của Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước	1.463.336.988	3.069.280.284
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.174.500.000	1.144.800.000
Thu nhập khác	1.799.186.730	2.065.598.164
	6.462.728.666	13.964.037.229

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.153.084.865	6.064.606.921
Lãi chậm nộp phải trả	-	36.964.348.246
Chi phí khác	2.235.728.258	2.188.369.601
	3.388.813.123	45.217.324.768

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	574.402.630.292	573.229.261.238
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	118.297.862.487	125.251.885.162
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	-	699.270.984
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>118.297.862.487</u>	<u>125.951.156.146</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	222.650.608	278.121.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	37.358.559.248	37.830.446.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>24.083.794.257</u>	<u>37.358.559.248</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.394.848.392	3.956.053.745
	1.394.848.392	3.956.053.745

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	234.802.801	528.689.079
	234.802.801	528.689.079

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	321.109.975.563	318.432.076.859
Các khoản điều chỉnh	(3.052.076.031)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế ⁽¹⁾	(557.076.031)	-
- Quỹ thưởng Ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế ⁽²⁾	(2.495.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	318.057.899.532	318.432.076.859
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	145.458.242	139.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.187	2.286

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(1) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế căn cứ số liệu của một số công ty con đã tạm tính, Tổng Công ty và một số công ty con khác chưa thực hiện điều chỉnh khoản quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế do không có đủ cơ sở ước tính.

(2) Quỹ thưởng Ban điều hành được trích 1% từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.525.048.849.562	3.852.387.496.790
Chi phí nhân công	482.804.251.997	321.431.518.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.191.574.562	105.805.904.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.367.873.401	104.681.085.929
Chi phí khác bằng tiền	227.534.719.752	256.358.517.694
	<u>5.546.947.269.274</u>	<u>4.640.664.523.471</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	518.493.494.834	-	770.927.664.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	977.088.876.424	(46.632.565.353)	1.008.087.079.901	(51.629.924.031)
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	288.668.581.649	-
Đầu tư dài hạn	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)
	<u>1.985.700.969.447</u>	<u>(47.167.707.153)</u>	<u>2.076.174.840.984</u>	<u>(52.614.321.831)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	521.327.353.978	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	946.521.459.986	915.895.557.261
Chi phí phải trả	34.017.384.934	86.709.024.960
	<u>1.501.866.198.898</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	<u>1.930.181.889.494</u>	<u>8.351.372.800</u>	<u>-</u>	<u>1.938.533.262.294</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	948.391.107.870	8.066.048.000	-	956.457.155.870
Các khoản cho vay	288.210.857.173	457.724.476	-	288.668.581.649
Đầu tư dài hạn	-	7.507.116.800	-	7.507.116.800
	<u>2.007.529.629.877</u>	<u>16.030.889.276</u>	<u>-</u>	<u>2.023.560.519.153</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	<u>1.475.752.134.016</u>	<u>26.114.064.882</u>	<u>-</u>	<u>1.501.866.198.898</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	<u>1.801.257.116.208</u>	<u>35.978.268.662</u>	<u>-</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CT
 HẠN
 TOÁN
 BC
 110
 NG T
 NIÊM H
 KIỂM
 AS
 NIÊM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ		150.693.011.553	2.396.941.462
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	6.299.022.106	1.936.141.500
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	471.927.233	460.799.962
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	70.720.334.187	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	73.201.728.027	-
Mua hàng hóa		610.805.849.443	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	119.592.220	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	452.947.619.761	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	130.185.666.462	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	27.552.971.000	-
Cho vay vốn		10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	10.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn		1.471.440.533	1.055.320.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	743.107.200	774.070.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	270.000.000	281.250.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	458.333.333	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		69.996.408.311	71.438.120.106
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.490.700.000	2.086.980.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	765.000.000	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	450.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	51.800.000.000	58.800.000.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	15.940.708.311	10.101.140.106

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng		28.442.067.021	3.201.857.600
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.296.396.172	3.201.857.600*
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	19.260.669.510	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	4.885.001.339	
Phải thu vốn cho vay		32.885.120.000	22.885.120.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn		2.195.706.096	1.349.265.563
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.917.372.763	1.174.265.563
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	278.333.333	175.000.000
Phải trả tiền hàng		95.298.974.007	123.193.260.639
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	107.520.000	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	94.473.185.907	123.193.260.639
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	718.268.100	-
Ứng trước tiền hàng		5.813.037.664	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	77.977.562	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	5.735.060.102	-
Phải thu khác		1.000.000	130.586.149
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149
Phải trả khác		16.699.815.109	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.699.815.109	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.321.100.000	4.066.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

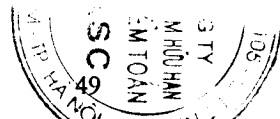
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Tổng Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Tổng Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	288.210.857.173	123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	271.325.737.173	(288.210.857.173)
131	1. Phải thu khách hàng	914.121.519.657	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	914.121.519.657	-
132	2. Trả trước cho người bán	57.343.228.502	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	57.343.228.502	-
135	5. Các khoản phải thu khác	17.766.123.471	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.885.120.000	16.885.120.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	68.410.476.582	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	85.899.512.244	68.133.388.773
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(68.410.476.582)
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	277.087.809	277.087.809
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8.949.239.076	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	8.066.048.000	215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	457.724.476	457.724.476
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.491.514.600	(457.724.476)
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	449.133.104.318	216	6. Phải thu dài hạn khác	8.066.048.000	8.066.048.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(8.066.048.000)
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	(337.570.727.947)
			242	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	449.133.104.318	-
			254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	806.250.113.649	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	806.250.113.649	-
312	2. Phải trả người bán	576.964.314.072	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	576.964.314.072	-
313	3. Người mua trả tiền trước	118.621.678.224	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	118.621.678.224	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	-
315	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	314	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	-
316	6. Chi phí phải trả	86.709.024.960	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	86.709.024.960	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	58.434.941.980	58.434.941.980
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	68.380.492.173	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.945.550.193	(58.434.941.980)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	331.333.663.527	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	331.333.663.527	-
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	337	6. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	28.380.689.000	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.380.689.000	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	341	10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	9.341.513.562				(9.341.513.562)
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	43.481.057.632	9.341.513.562
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	23.512.685.542	343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23.512.685.542	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.400.000.000.000	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	60.910.599.947	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	107.862.750.909	46.952.150.962
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	46.952.150.962				(46.952.150.962)
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	311.007.098.478	
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	318.432.076.859	
			429	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	548.863.726.600	548.863.726.600
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	548.863.726.600				(548.863.726.600)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	44.203.620.719
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	129.793.140.697

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	44.203.620.719	44.203.620.719
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556	-
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	129.793.140.697	-

Đoàn Thị Lan Phương

Phạm Tuấn Anh



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

LẤN SẮC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-43



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Số: 104/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 27 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 2 năm 2016.

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: Q743-2013-002-1

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2016.



Cát Thị Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.144.269.067.995	966.394.793.356
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	121.223.651.001	328.491.195.250
111	1. Tiền		81.223.651.001	158.485.086.006
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	170.006.109.244
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	345.000.000.000	147.661.751.062
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		345.000.000.000	147.661.751.062
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		523.194.428.297	411.373.525.949
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	361.641.437.848	266.910.356.785
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.900.612.693	13.033.548.054
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	137.885.120.000	133.620.470.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.431.917.350	5.043.127.630
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.680.743.874)	(7.250.060.800)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		16.084.280	16.084.280
140	IV. Hàng tồn kho	9	144.613.856.313	78.759.122.848
141	1. Hàng tồn kho		144.613.856.313	78.759.122.848
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.237.132.384	109.198.247
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		10.227.499.434	99.565.297
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	9.632.950	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.208.201.957.221	1.142.044.024.226
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	66.048.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	66.048.000
220	II. Tài sản cố định		469.522.667.273	132.075.661.062
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	469.522.667.273	132.062.327.738
222	- Nguyên giá		694.910.567.055	325.154.314.764
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(225.387.899.782)	(193.091.987.026)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	13.333.324
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(46.666.676)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	24.885.835.408	301.443.683.009
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.885.835.408	301.443.683.009
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	682.050.850.059	687.008.177.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		492.960.564.527	595.712.034.099
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		189.090.285.532	91.296.142.960
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.742.604.481	21.450.455.096
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	31.742.604.481	21.450.455.096
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.352.471.025.216	2.108.438.817.582

CÔNG TRÁCH NHIỆM HÀNG KẾ

CÔNG TRÁCH NHIỆM HÀNG KẾ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		397.423.826.482	437.148.720.020
310	I. Nợ ngắn hạn		309.698.414.276	379.111.046.095
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	212.733.705.406	203.571.131.270
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		626.980.260	3.224.788.793
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.850.479.995	24.031.264.051
314	4. Phải trả người lao động		34.954.535.859	30.130.004.009
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		351.500.000	388.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	1.367.584.028	40.819.935.591
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	39.007.134.093	59.521.289.746
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		15.806.494.635	17.424.632.635
330	II. Nợ dài hạn		87.725.412.206	58.037.673.925
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	36.865.162.057	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	6.200.875.882	4.697.579.662
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	17	35.489.024.271	34.139.544.070
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.170.349.996	9.255.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.955.047.198.734	1.671.290.097.562
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.952.510.962.625	1.670.036.521.349
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		62.000.000.000	32.500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		279.157.962.625	242.561.521.349
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.506.521.349	11.528.471.970
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		249.651.441.276	231.033.049.379
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.536.236.109	1.253.576.213
431	1. Nguồn kinh phí		-	(1.437.626.564)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.536.236.109	2.691.202.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.471.025.216	2.108.438.817.582

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.357.283.426.331	1.283.672.651.858
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.207.354.930	8.151.897.005
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.350.076.071.401	1.275.520.754.853
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.139.357.295.319	1.045.163.800.334
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		210.718.776.082	230.356.954.519
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	156.149.387.465	152.197.783.442
22	7. Chi phí tài chính	24	971.650.284	(13.858.669.689)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		556.154.000	194.258.129
25	8. Chi phí bán hàng	25	20.559.666.575	33.191.081.912
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	62.162.978.295	55.271.429.545
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		283.173.868.393	307.950.896.193
31	11. Thu nhập khác		296.526.042	4.250.604.698
32	12. Chi phí khác		319.553.766	40.716.704.426
40	13. Lợi nhuận khác		(23.027.724)	(36.466.099.728)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		283.150.840.669	271.484.796.465
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	33.499.399.393	40.451.747.086
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		249.651.441.276	231.033.049.379







Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.373.904.857.936	1.429.704.726.236
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.275.222.922.093)	(1.167.105.470.075)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(70.165.531.528)	(59.500.110.584)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(556.154.000)	(194.258.129)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(52.949.143.879)	(28.979.831.009)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		31.146.116.656	12.009.489.169
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(114.598.969.944)	(71.620.794.395)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(108.441.746.852)</i>	<i>114.313.751.213</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(95.370.629.264)	(56.481.682.118)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	4.442.283.547
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(277.482.014.011)	(42.661.479.020)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		75.879.115.073	100.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	73.517.183.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		149.704.055.431	155.867.488.911
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(147.269.472.771)</i>	<i>234.683.794.320</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		216.510.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		39.170.470.231	14.953.211.660
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(39.170.470.231)	(14.953.211.660)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(168.077.890.000)	(166.620.730.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>48.432.110.000</i>	<i>(166.620.730.000)</i>

1105 - C
CÔNG TY
KIỂM HỮU H
KIỂM TC
ASC
KIỂM - T



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(207.279.109.623)	182.376.815.533
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		328.491.195.250	146.112.536.235
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.565.374	1.843.482
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>121.223.651.001</u>	<u>328.491.195.250</u>

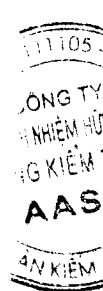
Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc gồm Cơ sở Sản xuất tại Khu công nghiệp Tiên Du Bắc Ninh và Khách sạn Bình Minh Hà Nội.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tổng Công ty.



2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

011
CÔNG
NHIÊN
KIỂM
AS

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty .



2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

TS - C
CÔNG TY
KIỂM SÁT
AA
AN KI

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	709.824.907	1.258.930.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.513.826.094	157.226.155.685
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	170.006.109.244
	121.223.651.001	328.491.195.250

(*) Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062
- Tiền gửi có kỳ hạn	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062
	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062

Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	492.960.564.527	492.960.564.527	-	595.712.034.099	595.712.034.099	-
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	220.957.490.174	-	220.957.490.174	220.957.490.174	-
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	214.009.733.181	-	214.009.733.181	214.009.733.181	-
- Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768	-	30.128.906.768	30.128.906.768	-
- Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) (1)	531.150.000	531.150.000	-	5.488.477.000	5.488.477.000	-
- Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương (2)	27.333.284.404	27.333.284.404	-	27.333.284.404	27.333.284.404	-
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3)	-	-	-	5.332.103.750	5.332.103.750	-
- Công ty CP Thiết bị điện (4)	-	-	-	92.462.038.822	92.462.038.822	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	189.090.285.532	189.090.285.532	-	91.296.142.960	91.296.142.960	-
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627	-	16.777.167.627	16.777.167.627	-
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356	-	5.233.587.356	5.233.587.356	-
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3)	5.332.103.750	5.332.103.750	-	-	-	-
- Công ty CP Thiết bị điện (4)	92.462.038.822	92.462.038.822	-	-	-	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977	-	69.285.387.977	69.285.387.977	-
	682.050.850.059	682.050.850.059	-	687.008.177.059	687.008.177.059	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

(3) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(4) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 33.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH	67.408.349.632	21.728.451.352
- Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	112.572.718.644	21.557.796.014
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	78.030.669	74.617.874.069
- Các khoản phải thu khách hàng khác	181.582.338.903	149.006.235.350
	361.641.437.848	266.910.356.785
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	170.693.555.649	68.679.785.234

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	16.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	-	5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
	137.885.120.000	133.620.470.000

Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất cho vay bằng 6%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.319.317.210	-	1.369.210.007	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	7.773.881	-
- Tam ứng	801.695.136	-	2.403.780.121	-
- Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
- Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	1.000.000.000	-
- Tiền mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần khí cụ điện 1	6.123.660.000	-	-	-
- Phải thu Công ty GELEX Cambodia	4.957.327.000	-	-	-
- Tam ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành đợt 1 năm 2015	1.100.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	97.448.004	-	239.893.621	-
	18.431.917.350	-	5.043.127.630	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	66.048.000	-
	-	-	66.048.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty Điện lực Hà Nội	380.760.781	380.760.781	380.760.781	380.760.781
Công ty CP Vật tư vận tải xây lắp điện lực Miền Trung	109.774.466	109.774.466	109.774.466	109.774.466
Các khoản khác	15.805.364.809	15.805.364.809	13.551.004.712	13.551.004.712
	16.295.900.056	16.295.900.056	14.041.539.959	14.041.539.959

Tổng Công ty xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.000.123.485	-	18.206.616.003	-
Công cụ, dụng cụ	824.160.806	-	2.637.759.111	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.056.533.174	-	5.311.230.912	-
Thành phẩm	77.733.038.848	-	52.603.516.822	-
	144.613.856.313	-	78.759.122.848	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	24.806.235.408	301.443.683.009
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	4.526.282.862	297.305.468.099
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất (*)	16.141.737.636	-
Mua sắm tài sản cố định	79.600.000	-
	24.885.835.408	301.443.683.009

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	191.329.812.564	122.591.377.205	9.434.918.586	1.798.206.409	325.154.314.764
- Mua trong năm	-	38.336.319.258	8.908.480.000	-	47.244.799.258
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	229.468.916.333	10.231.003.923	-	82.811.532.777	322.511.453.033
Số dư cuối năm	420.798.728.897	171.158.700.386	18.343.398.586	84.609.739.186	694.910.567.055
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	105.369.999.296	78.692.265.424	7.459.773.771	1.569.948.535	193.091.987.026
- Khấu hao trong năm	13.732.764.405	11.809.896.231	1.306.011.755	5.447.240.365	32.295.912.756
Số dư cuối năm	119.102.763.701	90.502.161.655	8.765.785.526	7.017.188.900	225.387.899.782
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	85.959.813.268	43.899.111.781	1.975.144.815	228.257.874	132.062.327.738
Tại ngày cuối năm	301.695.965.196	80.656.538.731	9.577.613.060	77.592.550.286	469.522.667.273

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 106.764.758.984 đồng

(*) Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Tổng Công ty tại số 52 Lê Đại Hành đang được Tổng Công ty tạm ghi nhận nguyên giá dựa trên phần lớn chi phí xây dựng cơ bản thực tế đã phát sinh với tổng giá trị 322.511.453.033 đồng. Khấu hao tạm trích trong năm đồng thời là khấu hao lũy kế đến 31/12/2015 là 8.904.823.020 đồng. Khi Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Tổng Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính căn cứ theo giá trị tài sản được duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.034.397.930	792.317.839
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.765.980.114	261.480.084
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.276.448.872	12.001.250.757
Chi phí thuê đất	7.589.145.708	7.786.080.672
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.076.631.857	609.325.744
	31.742.604.481	21.450.455.096

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	24.860.000.000	24.860.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	28.126.311.000	28.126.311.000	16.924.041.522	16.924.041.522
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	75.512.559.134	75.512.559.134	110.165.974.693	110.165.974.693
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	37.372.908.100	37.372.908.100	-	-
Phải trả các đối tượng khác	46.861.927.172	46.861.927.172	76.481.115.055	76.481.115.055
	212.733.705.406	212.733.705.406	203.571.131.270	203.571.131.270
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	118.360.415.492	118.360.415.492	118.793.714.058	118.793.714.058

10011
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN MIỀN
BẮC K
A/
TOÀN K

15 - C
Y
HỮU H
A TO
SC
- TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

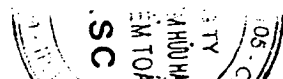
Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-	18.324.248.538	18.324.248.538	9.632.950	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	366.495.136	366.495.136	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	23.726.493.271	33.722.050.001	52.949.143.879	-	4.499.399.393
Thuế Thu nhập cá nhân	-	231.457.860	2.981.175.004	2.861.552.262	-	351.080.602
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	73.312.920	7.089.121.735	7.162.434.655	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.445.844	8.445.844	-	-
	9.632.950	24.031.264.051	62.496.536.258	81.677.320.314	9.632.950	4.850.479.995

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

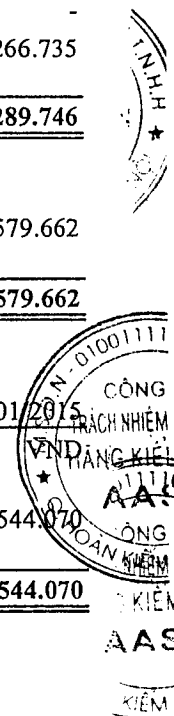
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.367.584.028	808.512.991
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	40.011.422.600
	<u>1.367.584.028</u>	<u>40.819.935.591</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865.162.057	9.945.550.193
	<u>36.865.162.057</u>	<u>9.945.550.193</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.351.187.456	909.187.198
- Bảo hiểm xã hội	45.237.672	-
- Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên	619.069.521	671.294.967
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	83.532.600	57.982.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.320.000	808.210.000
- Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyễn Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	16.699.815.109	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.971.735	110.266.735
	<u>39.007.134.093</u>	<u>59.521.289.746</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.200.875.882	4.697.579.662
	<u>6.200.875.882</u>	<u>4.697.579.662</u>

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	35.489.024.271	34.139.544.070
	<u>35.489.024.271</u>	<u>34.139.544.070</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	4.000.000.000	223.528.471.970	1.622.503.471.970
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	231.033.049.379	231.033.049.379
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	28.500.000.000	(212.000.000.000)	(183.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349
Tăng vốn trong năm (*)	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	249.651.441.276	249.651.441.276
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	29.500.000.000	(213.055.000.000)	(183.555.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 04/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2015, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	231.033.049.379
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,77%	29.500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,49%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	72,46%	167.400.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	0,50%	1.155.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	7,78%	17.978.049.379

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức chào bán cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 15.000.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 1.500.000.000.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	87,17%	1.220.448.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	9,68%	150.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>1.550.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>1.400.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	150.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng công ty

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.000.000.000	32.500.000.000
	<u>62.000.000.000</u>	<u>32.500.000.000</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	18.692,00	127.048,24
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	702.585.145.135	654.609.145.254
Doanh thu bán hàng hóa	608.198.717.170	596.436.045.751
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.499.564.026	32.627.460.853
	<u>1.357.283.426.331</u>	<u>1.283.672.651.858</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	<u>681.156.221.089</u>	<u>652.911.280.516</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	7.207.354.930	8.151.897.005
	<u>7.207.354.930</u>	<u>8.151.897.005</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	507.147.637.089	438.636.109.661
Giá vốn của hàng hóa đã bán	602.330.231.691	589.205.997.166
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.879.426.539	17.321.693.507
	<u>1.139.357.295.319</u>	<u>1.045.163.800.334</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.504.403.723	26.978.035.178
Lãi bán các khoản đầu tư	-	595.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	130.149.758.911	124.450.799.773
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	936.650.066	171.074.430
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.558.574.765	2.874.061
	<u>156.149.387.465</u>	<u>152.197.783.442</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	556.154.000	194.258.129
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.713.573.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	415.496.284	571.284.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.030.579
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	(16.609.555.800)
Chi phí tài chính khác	-	270.740.000
	971.650.284	(13.858.669.689)

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.980.426.567	14.251.134.052
Chi phí nhân công	1.367.984.102	975.690.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.735.227.046	13.372.150.477
Chi phí khác bằng tiền	4.103.128.598	2.351.985.930
Chi phí bảo hành	1.372.900.262	2.240.120.957
	20.559.666.575	33.191.081.912

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.534.340.155	2.128.137.241
Chi phí nhân công	24.056.183.457	21.353.437.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	972.630.390	1.862.719.837
Thuế, phí, lệ phí	7.094.121.735	5.932.796.201
Chi phí dự phòng	6.001.385.210	6.146.690.625
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	-	4.000.000.000
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	5.570.702.136	6.320.587.755
- Trích dự phòng/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	430.683.074	(4.173.897.130)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.105.492.580	7.638.151.675
Chi phí khác bằng tiền	10.398.824.768	10.209.496.680
	62.162.978.295	55.271.429.545

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	283.150.840.669	271.484.796.465
Các khoản điều chỉnh tăng	1.450.715.900	38.170.727.727
- Chi phí không hợp lệ	1.450.715.900	38.170.727.727
Các khoản điều chỉnh giảm	(132.331.559.328)	(124.743.717.327)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(130.149.758.911)	(124.450.799.773)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(1.641.800.417)	-
- Chi phí quản lý năm 2014 đã tính thuế TNDN	(540.000.000)	-
- Các khoản nộp theo biên bản thanh tra thuế	-	(292.917.554)
Thu nhập tính thuế TNDN	152.269.997.241	184.911.806.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	33.499.399.393	40.680.597.510
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh giảm của năm 2013	-	(228.850.424)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.499.399.393	40.451.747.086
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	222.650.608	156.733.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	23.726.493.271	12.097.843.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(52.949.143.879)	(28.979.831.009)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.499.399.393	23.726.493.271

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	466.375.144.122	384.128.329.377
Chi phí nhân công	79.384.858.195	74.046.192.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.069.629.408	25.403.624.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.838.941.307	27.081.318.263
Chi phí khác bằng tiền	30.262.682.550	27.614.158.901
	645.931.255.582	538.273.624.000

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	121.223.651.001	-	328.491.195.250	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	380.073.355.198	(7.680.743.874)	272.019.532.415	(7.250.060.800)
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	281.282.221.062	-
	<u>984.182.126.199</u>	<u>(7.680.743.874)</u>	<u>881.792.948.727</u>	<u>(7.250.060.800)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			257.941.715.381	267.790.000.678
Chi phí phải trả			351.500.000	388.000.000
			<u>258.293.215.381</u>	<u>268.178.000.678</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.223.651.001	-	-	121.223.651.001
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.392.611.324	-	-	372.392.611.324
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	-	482.885.120.000
	<u>976.501.382.325</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>976.501.382.325</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	-	328.491.195.250
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.703.423.615	66.048.000	-	264.769.471.615
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	-	281.282.221.062
	<u>874.476.839.927</u>	<u>66.048.000</u>	<u>-</u>	<u>874.542.887.927</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	251.740.839.499	6.200.875.882	-	257.941.715.381
Chi phí phải trả	351.500.000	-	-	351.500.000
	<u>252.092.339.499</u>	<u>6.200.875.882</u>	<u>-</u>	<u>258.293.215.381</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	263.092.421.016	4.697.579.662	-	267.790.000.678
Chi phí phải trả	388.000.000	-	-	388.000.000
	<u>263.480.421.016</u>	<u>4.697.579.662</u>	<u>-</u>	<u>268.178.000.678</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	702.452.685.135	601.123.822.240	46.499.564.026	1.350.076.071.401	-	1.350.076.071.401
Chi phí bộ phận trực tiếp	507.147.637.089	602.330.231.691	29.879.426.539	1.139.357.295.319	-	1.139.357.295.319
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	195.305.048.046	(1.206.409.451)	16.620.137.487	210.718.776.082	-	210.718.776.082
Tổng chi phí mua TSCĐ	48.491.689.477	41.496.758.917	3.209.956.296	93.198.404.690	-	93.198.404.690
Tài sản bộ phận	545.217.987.932	466.570.244.225	36.091.254.649	1.047.879.486.806	-	1.047.879.486.806
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.304.591.538.410	-	1.304.591.538.410
Tổng tài sản	545.217.987.932	466.570.244.225	36.091.254.649	2.352.471.025.216	-	2.352.471.025.216
Nợ phải trả bộ phận	196.034.054.939	167.756.124.915	12.976.671.998	376.766.851.852	-	376.766.851.852
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	20.656.974.630	-	20.656.974.630
Tổng nợ phải trả	196.034.054.939	167.756.124.915	12.976.671.998	397.423.826.482	-	397.423.826.482

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

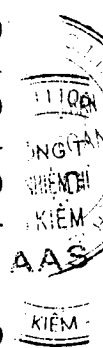
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu		681.156.221.089	652.911.280.516
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	570.920.260.544	568.343.486.184
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	12.520.597.680	18.661.045.750
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	8.697.244.120	6.071.904.320
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	58.587.141.625	42.222.892.357
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	2.369.314.500	3.084.846.000
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	24.751.354.967	12.130.164.443
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	512.885.920	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	2.325.494.500	1.936.141.500
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	471.927.233	460.799.962
Mua hàng		694.856.476.333	598.031.502.753
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	3.133.644.387	3.848.145.349
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	32.748.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	110.423.793.474	422.308.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	124.141.279.511	68.869.011.594
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	4.999.200	16.999.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	4.205.140.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	452.947.619.761	524.842.290.810
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai	(*)	22.600.000.000	-
Cho vay vốn		10.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	10.000.000.000	6.000.000.000
Thu hồi vốn cho vay		5.735.350.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	5.735.350.000	-
Lãi cho vay vốn		8.025.124.225	8.562.124.156
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	5.700.000.000	5.937.500.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	458.333.333	282.833.333
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	253.683.692	432.415.267
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	229.055.556
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	743.107.200	774.070.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	600.000.000	625.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	270.000.000	281.250.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia		130.149.758.911	124.450.799.773
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	56.165.472.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	19.548.160.000	19.548.160.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	29.720.250.000	29.720.250.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	765.000.000	816.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.470.080.000	3.470.080.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	3.049.388.600	2.092.717.667
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.490.700.000	2.086.980.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	15.940.708.311	10.101.140.106
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	450.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		170.693.555.649	68.679.785.234
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	112.574.675.940	21.557.796.014
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	934.193.084	2.001.574.300
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.362.619.291	1.565.800.720
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	18.326.134.743	15.094.288.769
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	326.845.200	756.079.500
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	33.308.028.708	24.502.388.331
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	101.157.133	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.759.901.550	3.201.857.600
Phải trả người bán ngắn hạn		118.360.415.492	118.793.714.058
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	6.250.527.015	2.803.518.189
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	36.022.800
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	11.629.809.343	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	-	5.788.198.376
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	107.520.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	75.512.559.134	110.165.974.693
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	(*)	24.860.000.000	-
Phải thu vốn cho vay		137.885.120.000	133.620.470.000
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	16.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	-	5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu lãi cho vay		5.045.706.096	1.349.765.563
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.850.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	278.333.333	175.500.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.917.372.763	1.174.265.563
Ứng trước tiền hàng		5.813.037.664	5.788.198.376
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	5.735.060.102	5.788.198.376
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	77.977.562	-
Phải thu khác		11.081.987.000	130.586.149
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty con	6.123.660.000	-
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	4.957.327.000	-
Phải trả khác		16.699.815.109	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.699.815.109	-

(*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.321.100.000	4.310.500.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
121	1. Đầu tư ngắn hạn	281.282.221.062
131	1. Phải thu khách hàng	266.910.356.785
132	2. Trả trước cho người bán	13.033.548.054
135	5. Các khoản phải thu khác	2.616.877.509
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	2.442.334.401
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.250.060.800)
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.632.950
218	4. Phải thu dài hạn khác	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	66.048.000
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	147.661.751.062	(281.282.221.062)
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	133.620.470.000	147.661.751.062
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	266.910.356.785	133.620.470.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.033.548.054	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5.043.127.630	-
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	2.426.250.121
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	16.084.280
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.250.060.800)	(2.442.334.401)
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.632.950	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	66.048.000	66.048.000
268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(66.048.000)
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009	(301.443.683.009)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SÓ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
312	2. Phải trả người bán	203.571.131.270	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	203.571.131.270	-
313	3. Người mua trả tiền trước	3.224.788.793	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.224.788.793	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.031.264.051	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.031.264.051	-
315	5. Phải trả người lao động	30.130.004.009	314	5. Phải trả người lao động	30.130.004.009	-
316	6. Chi phí phải trả	388.000.000	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	388.000.000	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	40.819.935.591	40.819.935.591
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	50.765.485.784	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.945.550.193	(40.819.935.591)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.521.289.746	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	59.521.289.746	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.424.632.635	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.424.632.635	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	4.697.579.662	337	6. Phải trả dài hạn khác	4.697.579.662	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	9.255.000.000	343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	9.255.000.000	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.400.000.000.000	-
414	4. Cổ phiếu quỹ	(5.025.000.000)	415	5. Cổ phiếu quỹ	(5.025.000.000)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	22.000.000.000	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	32.500.000.000	10.500.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	10.500.000.000				(10.500.000.000)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	242.561.521.349	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	242.561.521.349	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	11.528.471.970	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	231.033.049.379	-
432	1. Nguồn kinh phí	(1.437.626.564)	431	1. Nguồn kinh phí	(1.437.626.564)	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2.691.202.777	432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2.691.202.777	-

ASIA
KIỂM
HIỆM
H
CÔNG
NHÌM
KIỂM
AAS
KIỂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

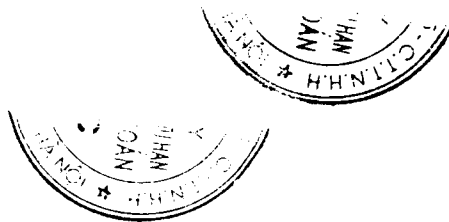
Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
24	8. Chi phí bán hàng	33.191.081.912	25	8. Chi phí bán hàng	33.191.081.912	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.271.429.545	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.271.429.545	-

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập
Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

LẤY SẠO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12-36



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/12/2014
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Số: 276 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Cát Thị Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		966.394.793.356	869.253.233.347
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	328.491.195.250	146.112.536.235
111	1. Tiền		158.485.086.006	76.112.536.235
112	2. Các khoản tương đương tiền		170.006.109.244	70.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	281.282.221.062	346.241.942.442
121	1. Đầu tư ngắn hạn		281.282.221.062	362.851.498.242
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(16.609.555.800)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		275.310.721.548	271.829.144.113
131	1. Phải thu của khách hàng		266.910.356.785	236.747.660.459
132	2. Trả trước cho người bán		13.033.548.054	39.997.133.468
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.616.877.509	6.508.308.116
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.250.060.800)	(11.423.957.930)
140	IV. Hàng tồn kho	6	78.759.122.848	93.739.670.508
141	1. Hàng tồn kho		78.759.122.848	93.739.670.508
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.551.532.648	11.329.940.049
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	2.876.860
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		99.565.297	8.808.884.938
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	9.632.950	671.808.427
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.442.334.401	1.846.369.824
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.142.044.024.226	1.082.480.917.364
220	II. Tài sản cố định		433.519.344.071	323.803.294.394
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	132.062.327.738	153.521.427.391
222	- Nguyên giá		325.154.314.764	322.903.409.547
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(193.091.987.026)	(169.381.982.156)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	13.333.324	33.333.328
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.666.676)	(26.666.672)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	301.443.683.009	170.248.533.675
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	687.008.177.059	737.413.177.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		595.712.034.099	646.117.034.099
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		91.296.142.960	91.296.142.960
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.516.503.096	21.264.445.911
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.450.455.096	21.198.397.911
268	3. Tài sản dài hạn khác		66.048.000	66.048.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.108.438.817.582	1.951.734.150.711

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		437.148.720.020	327.758.084.801
310	I. Nợ ngắn hạn		338.291.110.504	288.658.996.598
312	2. Phải trả người bán		203.571.131.270	212.876.218.434
313	3. Người mua trả tiền trước		3.224.788.793	2.612.200.340
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	24.031.264.051	12.097.843.548
315	5. Phải trả người lao động		30.130.004.009	21.333.947.765
316	6. Chi phí phải trả		388.000.000	334.000.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	59.521.289.746	25.805.746.376
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.424.632.635	13.599.040.135
330	II. Nợ dài hạn		98.857.609.516	39.099.088.203
333	3. Phải trả dài hạn khác		4.697.579.662	1.585.633.992
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		34.139.544.070	32.014.454.211
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		50.765.485.784	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.255.000.000	5.499.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.671.290.097.562	1.623.976.065.910
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	1.670.036.521.349	1.622.503.471.970
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		22.000.000.000	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.500.000.000	4.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		242.561.521.349	223.528.471.970
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.253.576.213	1.472.593.940
432	1. Nguồn kinh phí	17	(1.437.626.564)	1.472.593.940
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.691.202.777	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.108.438.817.582	1.951.734.150.711

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	127.048,24	38.740,46
- Đồng Yên nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.283.672.651.858	1.194.600.995.419
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	8.151.897.005	4.254.864.127
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.275.520.754.853	1.190.346.131.292
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.045.163.800.334	1.025.565.311.630
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		230.356.954.519	164.780.819.662
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	152.197.783.442	173.588.543.336
22	7. Chi phí tài chính	23	(13.858.669.689)	5.865.103.184
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		194.258.129	3.636.217.090
24	8. Chi phí bán hàng	24	33.191.081.912	26.975.626.448
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	55.271.429.545	50.665.844.850
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		307.950.896.193	254.862.788.516
31	11. Thu nhập khác	26	4.250.604.698	44.654.148
32	12. Chi phí khác	27	40.716.704.426	684.118.739
40	13. Lợi nhuận khác		(36.466.099.728)	(639.464.591)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		271.484.796.465	254.223.323.925
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	40.451.747.086	33.585.645.566
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		231.033.049.379	220.637.678.359




Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.429.704.726.236	1.180.856.127.529
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.167.105.470.075)	(981.411.559.152)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(59.500.110.584)	(54.462.509.886)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(194.258.129)	(3.636.217.090)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(28.979.831.009)	(34.109.537.915)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.009.489.169	42.204.763.085
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(71.620.794.395)	(203.232.296.363)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		114.313.751.213	(53.791.229.792)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(56.481.682.118)	(126.439.650.378)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.442.283.547	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.661.479.020)	(117.385.120.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000.000	266.952.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(70.061.229.404)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.517.183.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		155.867.488.911	176.222.192.247
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		234.683.794.320	129.288.392.465
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(5.025.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		14.953.211.660	258.794.023.157
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(14.953.211.660)	(258.794.023.157)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(166.620.730.000)	(286.031.320.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(166.620.730.000)	(291.056.320.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		182.376.815.533	(215.559.157.327)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		146.112.536.235	361.672.624.621
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.843.482	(931.059)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>328.491.195.250</u>	<u>146.112.536.235</u>

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Bắc Ninh	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

III
ÔNG
- NHẬN
KIẾ
A!
KIỂM

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Tổng Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Trong năm, Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa từ 3% đến 5% trên giá trị hợp đồng.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tính thuế.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.258.930.321	1.453.058.964
Tiền gửi ngân hàng	157.226.155.685	74.659.477.271
Các khoản tương đương tiền	170.006.109.244	70.000.000.000
	<u><u>328.491.195.250</u></u>	<u><u>146.112.536.235</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	281.282.221.062	338.620.742.042
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(16.609.555.800)
	<u><u>281.282.221.062</u></u>	<u><u>346.241.942.442</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-		24.230.756.200
- Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	1.732.091	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾		147.661.751.062		160.000.272.042
Cho vay ngắn hạn ⁽²⁾		133.620.470.000		178.620.470.000
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	95.000.000.000	-	95.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	-	6.000.000.000	-	-
- Công ty CP Khí cụ điện 1	-	5.735.350.000	-	7.735.350.000
- Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	-	-	-	15.000.000.000
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	-	12.385.120.000	-	12.385.120.000
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
- Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	-	1.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng	-	-	-	33.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(16.609.555.800)
		281.282.221.062		346.241.942.442

(1) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty đang giao dịch ở từng thời điểm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.773.881	135.299.438
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	2.329.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.369.210.007	3.478.077.800
Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng	1.000.000.000	-
Phải thu khác	239.893.621	565.144.378
	2.616.877.509	6.508.308.116

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.206.616.003	27.478.661.754
Công cụ, dụng cụ	2.637.759.111	1.058.820.368
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.311.230.912	5.568.373.585
Thành phẩm	52.603.516.822	59.633.814.801
	<u>78.759.122.848</u>	<u>93.739.670.508</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	9.632.950
Thuế Thu nhập cá nhân	-	381.591.477
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	280.584.000
	<u>9.632.950</u>	<u>671.808.427</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.403.780.121	1.807.815.544
Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	16.084.280
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	22.470.000	22.470.000
	<u>2.442.334.401</u>	<u>1.846.369.824</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

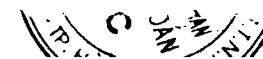
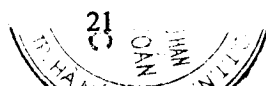
Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	190.435.601.011	120.299.744.112	10.369.858.015	1.798.206.409	322.903.409.547
Mua sắm	-	6.534.717.093	31.500.000	-	6.566.217.093
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	894.211.553	-	-	-	894.211.553
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.243.084.000)	(966.439.429)	-	(5.209.523.429)
Tại ngày 31/12/2014	191.329.812.564	122.591.377.205	9.434.918.586	1.798.206.409	325.154.314.764
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	93.819.272.777	67.237.281.611	7.045.167.473	1.280.260.295	169.381.982.156
Trích khấu hao	11.550.726.519	12.162.164.473	1.381.045.727	289.688.240	25.383.624.959
Thanh lý, nhượng bán	-	(707.180.660)	(966.439.429)	-	(1.673.620.089)
Tại ngày 31/12/2014	105.369.999.296	78.692.265.424	7.459.773.771	1.569.948.535	193.091.987.026
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	96.616.328.234	53.062.462.501	3.324.690.542	517.946.114	153.521.427.391
Tại ngày 31/12/2014	85.959.813.268	43.899.111.781	1.975.144.815	228.257.874	132.062.327.738

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 76.449.647.841 đồng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	60.000.000	60.000.000
Tại ngày 31/12/2014	60.000.000	60.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	26.666.672	26.666.672
Trích khấu hao	20.000.004	20.000.004
Tại ngày 31/12/2014	46.666.676	46.666.676
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	33.333.328	33.333.328
Tại ngày 31/12/2014	13.333.324	13.333.324

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009	170.216.086.250
Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	546.451.273
Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	297.305.468.099	169.669.634.977
Mua sắm tài sản cố định	-	10.394.413
Máy quần dây	-	10.394.413
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	22.053.012
Cổng Tổng Công ty	-	22.053.012
	301.443.683.009	170.248.533.675

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	595.712.034.099	646.117.034.099
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	220.957.490.174
Công ty CP Thiết bị điện	92.462.038.822	92.462.038.822
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	264.414.733.181
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	5.332.103.750
Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	5.488.477.000	5.488.477.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	27.333.284.404	27.333.284.404
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	91.296.142.960	91.296.142.960
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977
	687.008.177.059	737.413.177.059

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

Trong năm Công ty thực hiện giảm vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, cụ thể:

- Về số lượng: 5.000.000 cổ phiếu
- Về giá trị: 50.405.000.000 đồng

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	792.317.839	1.396.379.108
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	261.480.084	616.609.922
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.001.250.757	11.088.358.801
Chi phí thuê đất	7.786.080.672	7.983.015.636
Chi phí trả trước dài hạn khác	609.325.744	114.034.444
	21.450.455.096	21.198.397.911

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.726.493.271	12.097.843.548
Thuế Thu nhập cá nhân	231.457.860	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	73.312.920	-
	24.031.264.051	12.097.843.548

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	909.187.198	3.771.192.748
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.982.600	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	808.210.000	28.940.000
Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của cán bộ nhân viên	671.294.967	1.133.046.560
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	36.964.348.246	-
Phải trả, phải nộp khác	110.266.735	872.567.068
	59.521.289.746	25.805.746.376

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

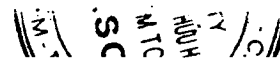
16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2013						
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	2.000.000.000	179.785.793.611	1.581.785.793.611
Lãi trong năm	-	-	-	-	220.637.678.359	220.637.678.359
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.000.000.000	(176.895.000.000)	(174.895.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(5.025.000.000)	-	-	-	(5.025.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	1.400.000.000.000	(5.025.000.000)	-	4.000.000.000	223.528.471.970	1.622.503.471.970
Năm 2014						
Tại ngày 01/01/2014	1.400.000.000.000	(5.025.000.000)	-	4.000.000.000	223.528.471.970	1.622.503.471.970
Lãi trong năm	-	-	-	-	231.033.049.379	231.033.049.379
Phân phối lợi nhuận	-	-	22.000.000.000	6.500.000.000	(212.000.000.000)	(183.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	1.400.000.000.000	(5.025.000.000)	22.000.000.000	10.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 07/THBDVN/NQ-ĐHCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2014, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	220.637.678.359
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,97%	22.000.000.000
Trích Quỹ dự phòng tài chính	2,95%	6.500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,80%	15.000.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	0,50%	1.100.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	75,87%	167.400.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	3,91%	8.637.678.359



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước (SCIC)	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,83%	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000
	100%	1.400.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	167.400.000.000	168.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	167.400.000.000	168.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	139.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng Công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.000.000.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	10.500.000.000	4.000.000.000
	32.500.000.000	4.000.000.000

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	1.472.593.940	5.950.000.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	3.600.000.000	-
Chi sự nghiệp	(6.510.220.504)	(4.477.406.060)
	(1.437.626.564)	1.472.593.940

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	654.609.145.254	531.016.164.066
Doanh thu bán hàng hóa	596.436.045.751	631.023.687.812
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.627.460.853	32.561.143.541
	<u>1.283.672.651.858</u>	<u>1.194.600.995.419</u>

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	8.151.897.005	4.254.864.127
	<u>8.151.897.005</u>	<u>4.254.864.127</u>

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	646.992.323.666	526.899.462.666
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	596.383.495.751	631.010.687.812
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.144.935.436	32.435.980.814
	<u>1.275.520.754.853</u>	<u>1.190.346.131.292</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	438.636.109.661	389.090.437.048
Giá vốn của hàng hóa đã bán	589.205.997.166	622.234.812.096
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.321.693.507	14.240.062.486
	<u>1.045.163.800.334</u>	<u>1.025.565.311.630</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	26.978.035.178	52.461.217.996
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	595.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.450.799.773	121.120.766.760
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	171.074.430	4.614.832
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.874.061	1.943.748
	<u>152.197.783.442</u>	<u>173.588.543.336</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	194.258.129	3.636.217.090
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư ngắn hạn	1.713.573.200	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	571.284.203	371.596.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.030.579	2.874.807
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16.609.555.800)	1.558.881.900
Chi phí tài chính khác	270.740.000	295.533.332
	(13.858.669.689)	5.865.103.184

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	14.251.134.052	11.324.122.105
Chi phí nhân công	975.690.496	470.718.236
Chi phí bảo hành	2.240.120.957	2.988.331.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.372.150.477	10.297.553.835
Chi phí khác bằng tiền	2.351.985.930	1.894.901.017
	33.191.081.912	26.975.626.448

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.128.137.241	6.143.350.851
Chi phí nhân công	21.353.437.286	16.302.141.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.862.719.837	2.377.757.013
Thuế, phí, lệ phí	5.932.796.201	4.421.822.201
Chi phí dự phòng	6.146.690.625	6.259.364.465
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	4.000.000.000	-
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	6.320.587.755	-
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.173.897.130)	6.259.364.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.638.151.675	993.057.056
Chi phí khác bằng tiền	10.209.496.680	14.168.351.459
	55.271.429.545	50.665.844.850

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.062.985.043	-
Thu nhập khác	187.619.655	44.654.148
	4.250.604.698	44.654.148

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	3.535.903.340	-
Chi phí lãi chậm nộp phải trả	36.964.348.246	-
Chi phí khác	216.452.840	684.118.739
	40.716.704.426	684.118.739

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.484.796.465	254.223.323.925
Các khoản điều chỉnh tăng	38.170.727.727	1.240.025.100
- Chi phí không hợp lệ	38.170.727.727	1.240.025.100
Các khoản điều chỉnh giảm	(124.743.717.327)	(121.120.766.760)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(124.450.799.773)	(121.120.766.760)
- Các khoản đã nộp theo BB thanh tra thuế	(292.917.554)	-
Tổng thu nhập tính thuế	184.911.806.865	134.342.582.265
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	40.680.597.510	33.585.645.566
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh giảm của năm 2013 (25%)	(228.850.424)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.451.747.086	33.585.645.566
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	156.733.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.097.843.548	12.621.735.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(28.979.831.009)	(34.109.537.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	23.726.493.271	12.097.843.548

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	384.128.329.377	348.216.148.793
Chi phí nhân công	74.046.192.496	59.839.414.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.403.624.963	25.508.080.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.081.318.263	23.177.347.270
Chi phí khác bằng tiền	27.614.158.901	24.230.979.676
	538.273.624.000	480.971.970.832

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	146.112.536.235	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	269.527.234.294	(7.250.060.800)	243.255.968.575	(11.423.957.930)
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	338.620.742.042	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	24.230.756.200	(16.609.555.800)
	879.300.650.606	(7.250.060.800)	752.220.003.052	(28.033.513.730)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014* VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	267.790.000.678	240.267.598.802
Chi phí phải trả	388.000.000	334.000.000
	268.178.000.678	240.601.598.802

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	-	328.491.195.250
Phải thu khách hàng, phải thu khác	262.277.173.494	-	-	262.277.173.494
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	-	281.282.221.062
	<u>872.050.589.806</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>872.050.589.806</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.112.536.235	-	-	146.112.536.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	231.832.010.645	-	-	231.832.010.645
Các khoản cho vay	338.620.742.042	-	-	338.620.742.042
Đầu tư ngắn hạn	7.621.200.400	-	-	7.621.200.400
	<u>724.186.489.322</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>724.186.489.322</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	263.092.421.016	4.697.579.662	-	267.790.000.678
Chi phí phải trả	388.000.000	-	-	388.000.000
	<u>263.480.421.016</u>	<u>4.697.579.662</u>	<u>-</u>	<u>268.178.000.678</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	238.681.964.810	1.585.633.992	-	240.267.598.802
Chi phí phải trả	334.000.000	-	-	334.000.000
	<u>239.015.964.810</u>	<u>1.585.633.992</u>	<u>-</u>	<u>240.601.598.802</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	646.992.323.666	596.383.495.751	32.144.935.436	1.275.520.754.853	-	1.275.520.754.853
Chi phí bộ phận trực tiếp	438.636.109.661	589.205.997.166	17.321.693.507	1.045.163.800.334	-	1.045.163.800.334
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	208.356.214.005	7.177.498.585	14.823.241.929	230.356.954.519	-	230.356.954.519
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	6.566.217.093	-	6.566.217.093
Tài sản bộ phận trực tiếp	171.118.673.231	186.357.820.038	21.564.611.175	379.041.104.444	-	379.041.104.444
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.729.397.713.138	-	1.729.397.713.138
Tổng tài sản	171.118.673.231	186.357.820.038	21.564.611.175	2.108.438.817.582	-	2.108.438.817.582
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	115.625.534.687	132.189.596.599	57.838.398.293	305.653.529.579	-	305.653.529.579
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	131.495.190.441	-	131.495.190.441
Tổng nợ phải trả	115.625.534.687	132.189.596.599	57.838.398.293	437.148.720.020	-	437.148.720.020

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	568.343.486.184	602.855.524.918
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	18.661.045.750	13.321.057.550
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	6.071.904.320	7.976.097.440
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	42.222.892.357	70.104.049.074
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.084.846.000	-
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	12.130.164.443	11.674.452.326
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	37.367.567.400	30.998.023.200
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.936.141.500	3.084.318.500
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	460.799.962	456.436.326
Mua hàng			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	3.848.145.349	11.084.881.760
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	32.748.000	-
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	422.308.000	16.311.122.853
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	68.869.011.594	55.807.662.394
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	16.999.000	227.351.470
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	6.247.720.765
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	524.842.290.810	689.495.349.870
Cho vay vốn			
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	6.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	5.937.500.000	7.243.750.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	-	3.090.895.556
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	1.631.728.250
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	282.833.333	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	432.415.267	521.487.105
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	625.000.000	770.833.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	229.055.556	-
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	(*)	-	47.625.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	774.070.000	818.152.800
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	281.250.000	343.125.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	46.492.983.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	19.548.160.000	15.638.528.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	29.720.250.000	33.893.860.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	816.000.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.470.080.000	3.470.080.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	2.092.717.667	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.086.980.000	2.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	450.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	10.101.140.106	6.965.299.760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	21.557.796.014	75.870.960.286
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	2.001.574.300	3.733.134.702
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.565.800.720	824.230.751
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	15.094.288.769	12.691.702.748
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	756.079.500	255.872.683
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	24.502.388.331	20.345.878.080
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	2.321.965.404	3.640.328.074
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.201.857.600	3.172.101.950
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.803.518.189	11.335.063.865
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	36.022.800	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	5.788.198.376	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	5.457.237
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	110.165.974.693	166.115.015.159
Phải thu vốn cho vay			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	6.000.000.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	5.735.350.000	7.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	15.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	1.662.500.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	175.500.000	-
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	175.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	262.500.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.174.265.563	405.652.800
Phải thu khác			
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	129.586.149	5.964.840
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000

(*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

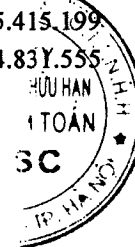
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.310.500.000	4.066.000.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên thuyết minh số 29 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	480.971.970.832	480.971.970.832
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	348.216.148.793	390.842.535.860
Chi phí nhân công	59.839.414.612	33.054.256.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.508.080.481	10.644.931.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.177.347.270	20.965.415.199
Chi phí khác bằng tiền	24.230.979.676	25.464.831.555



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

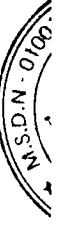
BẢN SÁC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-41
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-41



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 01/12/2014
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 8... năm 2016

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2015

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Cát Thị Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.466.217.585.478	3.204.004.185.828
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	770.927.664.834	494.352.346.689
111	1. Tiền		340.160.278.936	255.735.206.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		430.767.385.898	238.617.140.551
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	288.210.857.173	277.546.592.442
121	1. Đầu tư ngắn hạn		288.210.857.173	294.156.148.242
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(16.609.555.800)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		937.600.947.599	1.089.838.390.170
131	1. Phải thu của khách hàng		914.121.519.657	1.026.964.385.967
132	2. Trả trước cho người bán		57.343.228.502	93.383.285.900
135	5. Các khoản phải thu khác	5	17.766.123.471	18.331.434.065
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(51.629.924.031)	(48.840.715.762)
140	IV. Hàng tồn kho	6	1.378.861.337.210	1.291.572.470.666
141	1. Hàng tồn kho		1.387.600.833.410	1.293.910.832.046
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.739.496.200)	(2.338.361.380)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		90.616.778.662	50.694.385.861
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.380.796.252	1.913.656.781
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.802.545.278	19.480.327.919
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.022.960.550	677.639.585
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	68.410.476.582	28.622.761.576
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.682.298.233.075	1.532.792.407.103
220	II. Tài sản cố định		1.087.635.928.969	934.063.765.879
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	675.109.785.964	665.097.613.550
222	- Nguyên giá		1.512.780.293.213	1.401.564.230.025
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(837.670.507.249)	(736.466.616.475)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	74.955.415.058	75.255.535.032
228	- Nguyên giá		84.863.183.598	83.777.511.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.907.768.540)	(8.521.976.198)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	337.570.727.947	193.710.617.297
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	459.197.945.594	467.069.085.101
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		449.133.104.318	456.459.772.656
258	3. Đầu tư dài hạn khác		11.049.239.076	11.915.508.445
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(984.397.800)	(1.306.196.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		135.464.358.512	131.659.556.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	123.442.256.767	120.618.018.136
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	3.956.053.745	2.975.489.987
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.066.048.000	8.066.048.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.148.515.818.553	4.736.796.592.931

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.407.699.506.770	2.202.869.076.920
310	I. Nợ ngắn hạn		2.235.818.313.682	2.073.644.434.519
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	806.250.113.649	742.819.840.708
312	2. Phải trả người bán		576.964.314.072	582.868.138.493
313	3. Người mua trả tiền trước		118.621.678.224	72.637.780.635
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	52.288.685.558	56.086.023.689
315	5. Phải trả người lao động		143.747.897.589	113.550.404.807
316	6. Chi phí phải trả	16	86.709.024.960	95.285.536.955
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	331.333.663.527	361.232.297.840
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		77.455.883.215	18.638.353.874
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		42.447.052.888	30.526.057.518
330	II. Nợ dài hạn		171.881.193.088	129.224.642.401
333	3. Phải trả dài hạn khác		7.597.579.662	4.285.633.992
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	28.380.689.000	42.825.353.442
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	528.689.079	495.237.785
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		9.341.513.562	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		34.139.544.070	32.014.454.211
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		68.380.492.173	42.104.962.971
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		23.512.685.542	7.499.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.191.952.585.183	2.082.554.279.301
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	2.180.949.189.408	2.079.711.328.245
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.513.826.624	47.513.826.624
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		960.044.030	819.607.405
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		60.910.599.947	30.075.806.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		46.952.150.962	34.504.658.743
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		198.392.508	186.096.715
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		629.439.175.337	571.636.332.758
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.003.395.775	2.842.951.056
432	1. Nguồn kinh phí		1.857.403.945	1.723.020.735
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		9.145.991.830	1.119.930.321
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		548.863.726.600	451.373.236.710
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.148.515.818.553	4.736.796.592.931

105
NG T
NH IEM
G KIP
A/
DAN

5 - C T
TY
HIU HAI
EM TOA
ASC
EM - IV

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	11.336.052.670	14.975.717.710
4. Nợ khó đòi đã xử lý	9.524.621.748	9.630.621.748
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.117.490,89	966.548,67
- Đồng Bảng Anh (GBP)	196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	1.923,75	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	3.385,48	630,91
- Đồng đô la Úc (AUD)	250,00	150,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	914.100,19	33.000,00

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9.317.276.336.021	7.397.259.851.934
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	582.253.464.449	9.176.667.179
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	8.735.022.871.572	7.388.083.184.755
11	4. Giá vốn hàng bán	23	7.480.197.065.732	6.328.873.326.859
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.254.825.805.840	1.059.209.857.896
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	62.602.582.164	52.925.442.017
22	7. Chi phí tài chính	25	63.051.135.790	105.276.658.262
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		66.136.795.496	92.961.435.440
24	8. Chi phí bán hàng	26	349.596.040.220	253.093.440.008
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	344.502.283.936	294.157.757.185
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		560.278.928.058	459.607.444.458
31	11. Thu nhập khác	28	13.964.037.229	14.182.134.109
32	12. Chi phí khác	29	45.217.324.768	5.555.037.796
40	13. Lợi nhuận khác		(31.253.287.539)	8.627.096.313
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		44.203.620.719	66.971.461.804
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		573.229.261.238	535.206.002.575
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.1	125.951.156.146	122.340.415.219
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.2	(947.112.464)	1.255.682.877
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		448.225.217.556	411.609.904.479
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		129.793.140.697	102.056.549.097
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>318.432.076.859</u>	<u>309.553.355.382</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.283	2.215

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTNăm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		9.796.255.004.750	7.999.715.372.562
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(8.486.171.182.758)	(6.892.339.238.809)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(435.101.169.891)	(382.475.129.152)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(68.788.762.134)	(92.208.666.616)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(126.701.164.385)	(109.930.530.076)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		225.290.670.284	231.036.281.931
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(348.889.057.227)	(541.859.920.010)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>555.894.338.639</i>	<i>211.938.169.830</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(185.285.793.108)	(202.355.488.385)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.016.582.285	4.766.662.300
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(231.098.759.131)	(274.271.523.924)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		213.679.563.369	379.269.800.301
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(72.180.179.404)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.517.183.000	27.265.121.600
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.945.799.568	50.791.125.359
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(64.225.424.017)</i>	<i>(86.714.482.153)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(5.025.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.221.336.348.285	2.233.157.511.989
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.270.321.956.784)	(2.277.885.260.144)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(166.620.730.000)	(286.031.320.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(215.606.338.499)</i>	<i>(335.784.068.155)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>276.062.576.123</i>	<i>(210.560.380.478)</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		494.352.346.689	704.858.745.045
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		512.742.022	53.982.122
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>770.927.664.834</u>	<u>494.352.346.689</u>

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

05 -
CÔNG TY
KIỂM
KIỂM
AAS
N KIẾ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	TP. Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Các công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,09%	65,26%	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	66,04%	65,52%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí Cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Các công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	53,59%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Các công ty liên kết:

Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (Tổng Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội).

Công ty liên doanh:

Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.7 . Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.9 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

11
CÓN
HNH
GK
A
GTY
KIỂM
AA
AN K

2.10 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Giá trị quyền sử dụng đất	50	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 - 25	năm

2.13 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.19 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo của Tổng Công ty được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối năm;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch; trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài;
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phải được phân loại như là vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

2.20 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chiết khấu thương mại năm 2013 đang được trừ trực tiếp vào doanh thu bán hàng. Năm 2014, chiết khấu thương mại được tách riêng và trình bày trên chỉ tiêu "Các khoản giảm trừ doanh thu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

05 + C
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KẾ TOÁN
A P
HOAN

MSDN 01
HÀ NỘI

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.21 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TTT105
CỘNG T
CH NHIỆM
NG KIẾ
AA
CÁN KIẾ

TTT105
CỘNG T
CH NHIỆM
NG KIẾ
AA
CÁN KIẾ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.201.727.172	4.311.827.081
Tiền gửi ngân hàng	335.958.551.764	251.423.379.057
Các khoản tương đương tiền	430.767.385.898	238.617.140.551
	<u>770.927.664.834</u>	<u>494.352.346.689</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn dưới 03 tháng, lãi suất theo quy định của các ngân hàng tại từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	288.210.857.173	269.925.392.042
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(16.609.555.800)
	<u>288.210.857.173</u>	<u>277.546.592.442</u>

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>		<u>01/01/2014</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-		24.230.756.200
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	1.732.091	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn tại ⁽¹⁾		271.325.737.173		219.040.272.042
- Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	-	147.661.751.062	-	160.000.272.042
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	72.628.000.000	-	22.848.000.000
- Công ty Liên Doanh Thibidi (Cambodia)	-	10.623.000.000	-	4.217.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	-	18.000.000.000	-	21.875.000.000
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	-	-	-	100.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	-	22.412.986.111	-	10.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cho vay ngắn hạn ⁽²⁾		16.885.120.000		50.885.120.000
- Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari	-	12.385.120.000	-	12.385.120.000
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
- Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	-	1.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng	-	-	-	33.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(16.609.555.800)
		288.210.857.173		277.546.592.442

(1) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty và các Công ty con đang giao dịch ở từng thời điểm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	267.004.449	739.479.113
Phải thu về bảo hiểm y tế	18.419.563	18.511.199
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	12.074.700	12.136.030
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	2.484.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	4.223.515.094	2.338.339.550
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	8.953.733.946	5.271.448.321
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	1.000.000.000	-
Phải thu khác	3.291.375.719	7.466.733.352
	17.766.123.471	18.331.434.065

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	17.092.537.938	784.613.505
Nguyên liệu, vật liệu	363.507.740.731	489.915.959.735
Công cụ, dụng cụ	5.022.129.334	2.925.964.030
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	169.909.447.845	142.545.586.914
Thành phẩm	665.122.367.802	607.316.083.381
Hàng hoá	152.214.105.099	46.117.378.394
Hàng gửi đi bán	14.732.504.661	4.305.246.087
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.739.496.200)	(2.338.361.380)
	1.378.861.337.210	1.291.572.470.666

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	43.310.410	9.632.950
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538	5.831.158
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	381.591.477
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	280.584.000
	<u>1.022.960.550</u>	<u>677.639.585</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	16.321.780.495	13.499.866.025
Tài sản thiếu chờ xử lý	277.087.809	1.243.966.417
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	51.811.608.278	13.878.929.134
	<u>68.410.476.582</u>	<u>28.622.761.576</u>

IT
CC
CH
AN
HC

10111 TO
CÔNG T
CH NHIỆM
NG KIỂM
AAS
AN KIỂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	564.820.898.479	723.732.526.385	89.212.256.078	23.718.149.083	80.400.000	1.401.564.230.025
Mua sắm	10.350.855.614	92.611.780.430	11.882.938.811	538.354.000	-	115.383.928.855
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.286.027.594	617.000.000	46.352.711	-	-	4.949.380.305
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	135.714.478	-	17.319.575	901.921	-	153.935.974
Thanh lý, nhượng bán	(2.611.294.855)	(5.156.072.315)	(1.001.439.429)	-	-	(8.768.806.599)
Giảm khác	(79.621.474)	(422.753.873)	-	-	-	(502.375.347)
Tại ngày 31/12/2014	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	229.437.451.603	430.586.342.994	57.869.756.169	18.507.740.708	65.325.001	736.466.616.475
Trích khấu hao	29.286.576.461	65.141.032.932	8.427.482.585	1.534.602.971	15.074.999	104.404.769.948
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	-	2.489.326	406.525	-	-	2.895.851
Thanh lý, nhượng bán	(507.751.778)	(1.195.008.471)	(1.001.439.429)	-	-	(2.704.199.678)
Giảm khác	(79.621.474)	(419.953.873)	-	-	-	(499.575.347)
Tại ngày 31/12/2014	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	335.383.446.876	293.146.183.391	31.342.499.909	5.210.408.375	15.074.999	665.097.613.550
Tại ngày 31/12/2014	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 151.832.186.469 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 402.866.855.726 đồng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2014	79.281.500.139	1.847.371.665	2.648.639.426	83.777.511.230
Mua sắm	-	946.100.000	-	946.100.000
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	155.572.368	-	-	155.572.368
Giảm khác	-	(16.000.000)	-	(16.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2014	5.798.842.381	1.664.520.962	1.058.612.855	8.521.976.198
Trích khấu hao	1.019.825.724	218.296.409	163.012.158	1.401.134.291
Giảm khác	-	(15.341.949)	-	(15.341.949)
Tại ngày 31/12/2014	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	73.482.657.758	182.850.703	1.590.026.571	75.255.535.032
Tại ngày 31/12/2014	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn với tổng số tiền là 50.991.285.959 đồng, là quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với thời hạn sử dụng là 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Còn lại là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng số tiền là 28.445.786.548 đồng.

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	314.157.186.967	175.632.227.555
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	546.451.273
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	297.305.468.099	169.669.634.977
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	5.683.541.634	5.176.814.000
Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	2.143.754.760	-
Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	260.410.182	-
Công trình khác	4.625.797.382	239.327.305
Mua sắm tài sản cố định	21.773.910.400	17.454.714.413
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	15.100.000.000	15.100.000.000
Hệ thống Máy phóng điện Cục bộ	-	2.344.320.000
Dây chuyền máy kéo đại	3.400.000.000	-
Phần mềm ERP	2.872.460.400	-
Các tài sản khác	401.450.000	10.394.413
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.639.630.580	623.675.329
Máy móc thiết bị của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	593.592.317
Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.639.630.580	-
Sửa chữa tài sản khác	-	30.083.012
	337.570.727.947	193.710.617.297

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	449.133.104.318	456.459.772.656
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	20.188.297.220	20.607.671.165
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.524.630.171	5.884.259.089
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	119.105.505.506	110.513.746.024
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	304.314.671.421	319.454.096.378
Đầu tư dài hạn khác	11.049.239.076	11.915.508.445
Góp vốn dài hạn	6.312.844.600	6.312.844.600
Đầu tư cổ phiếu	2.178.670.000	2.178.670.000
Cho vay dài hạn	457.724.476	1.323.993.845
Đầu tư dài hạn khác	2.100.000.000	2.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	(1.306.196.000)
	459.197.945.594	467.069.085.101

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	2.178.670.000
Góp vốn vào Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	4.995.833.299
Góp vốn vào Công ty CP Công nghệ cao	1.057.011.301	1.057.011.301
Góp vốn vào Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	260.000.000
Cho vay dài hạn của Công ty CP Khí cụ điện I	457.724.476	1.323.993.845
Đầu tư dài hạn khác	2.100.000.000	2.100.000.000
	11.049.239.076	11.915.508.445

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư cổ phiếu		2.178.670.000		2.178.670.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	32.555	2.178.670.000	32.555	2.178.670.000
Góp vốn dài hạn		6.312.844.600		6.312.844.600
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	480.000	4.995.833.299	480.000	4.995.833.299
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	77.500	1.057.011.301	77.500	1.057.011.301
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	26.000	260.000.000	26.000	260.000.000
Cho vay dài hạn của Công ty CP Khí cụ điện I		457.724.476		1.323.993.845
Đầu tư dài hạn khác		2.100.000.000		2.100.000.000
		11.049.239.076		11.915.508.445

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị	Giá trị
			thị trường	dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư dài hạn			1.194.272.200	(984.397.800)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	32.555	2.178.670.000	1.194.272.200	(984.397.800)
		2.178.670.000	1.194.272.200	(984.397.800)

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.671.271.641	5.078.998.547
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.445.295.097	1.919.351.892
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.001.250.757	11.088.358.801
Chi phí thuê đất	92.818.552.769	95.317.732.713
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	2.867.488.542
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.505.886.503	4.346.087.641
	123.442.256.767	120.618.018.136

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	791.801.857.877	727.606.616.584
Vay ngân hàng	762.748.904.787	700.976.821.655
Vay đối tượng khác	29.052.953.090	26.629.794.929
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.448.255.772	15.213.224.124
Vay dài hạn đến hạn trả	14.448.255.772	15.213.224.124
	<u>806.250.113.649</u>	<u>742.819.840.708</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	315.415.287.947	232.718.261.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	67.093.620.809	45.528.365.260
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Nai	-	52.665.875.017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	29.050.925.533	18.807.149.357
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	7.494.979.818	8.135.303.554
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	75.830.066.385
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	88.854.600.473	73.897.428.909
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	9.986.556.490	73.172.961.163
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	97.457.780.191	107.241.260.639
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	87.099.501.597	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	5.311.500.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	54.984.151.929	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương	-	1.480.150.300
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Phòng giao dịch Cầu Diễn	-	3.500.000.000
Công đoàn Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.150.000.000	900.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100.000.000	-
Công đoàn Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	100.000.000	-
Vay cá nhân	27.702.953.090	25.729.794.929
	<u>791.801.857.877</u>	<u>727.606.616.584</u>

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	260.255.772	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	1.025.224.124
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000
	<u>14.448.255.772</u>	<u>15.213.224.124</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	10.149.476.457	15.078.738.402
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	150.639.429	1.274.609.686
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	38.331.740.850	37.830.446.341
Thuế Thu nhập cá nhân	3.500.748.626	1.621.225.058
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	113.625.218	3.162.750
Các loại thuế khác	42.454.978	277.841.452
	52.288.685.558	56.086.023.689

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	978.272.162	817.820.840
Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	3.388.784.891	5.003.504.299
Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	47.163.601.097	58.888.512.113
Chi phí hoa hồng	21.596.588.670	8.974.118.854
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
Trích trước chi phí giá vốn công trình	-	4.678.289.635
Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm	-	8.184.917.612
Trích trước chi phí khuyến mại	6.572.851.000	-
Chi phí phải trả khác	3.938.051.640	5.667.498.102
	86.709.024.960	95.285.536.955

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1.087.852.802	8.235.997.048
Kinh phí công đoàn	2.928.982.471	5.809.021.428
Bảo hiểm xã hội	343.516.974	110.091.548
Bảo hiểm y tế	121.826.929	86.368.481
Bảo hiểm thất nghiệp	217.235.866	124.192.925
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	252.550.342.331	306.563.485.700
Phải trả cổ tức cho cổ đông	808.210.000	28.940.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	2.288.720.969	-
Phải trả lãi vay	108.612.623	2.921.030.583
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của CBCNV	-	1.133.046.560
Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	36.964.348.246	-
Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC góp thêm vốn điều lệ	10.000.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	3.914.014.316	16.220.123.567
	331.333.663.527	361.232.297.840

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	28.380.689.000	42.825.353.442
Vay ngân hàng	-	256.664.442
Vay đối tượng khác	28.380.689.000	42.568.689.000
	<u>28.380.689.000</u>	<u>42.825.353.442</u>

Chi tiết vay dài hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	256.664.442
Công ty Đầu tư tài chính Việt Nam	28.380.689.000	42.568.689.000
	<u>28.380.689.000</u>	<u>42.825.353.442</u>



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	-	22.410.998.710	25.739.990.783	216.005.400	420.680.968.970	1.869.047.963.863
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	309.553.355.382	309.553.355.382
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	8.211.745.437	8.829.726.213	130.268.938	(46.066.963.074)	(28.895.222.486)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(168.000.000.000)	(168.000.000.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	47.513.826.624	-	-	-	-	-	55.549.660.145	103.063.486.769
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	819.607.405	-	-	-	-	819.607.405
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(5.025.000.000)	-	-	-	-	-	(5.025.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(546.938.147)	(65.058.253)	(160.177.623)	(80.688.665)	(852.862.688)
Tại ngày 31/12/2013	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	30.075.806.000	34.504.658.743	186.096.715	571.636.332.758	2.079.711.328.245
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	318.432.076.859	318.432.076.859
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	30.834.793.947	12.447.492.219	145.555.599	(83.097.049.954)	(39.669.208.189)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	(167.400.000.000)
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	140.436.625	-	-	-	-	140.436.625
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	5.987.574.849	5.987.574.849
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(15.913.913.084)	(15.913.913.084)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(133.259.806)	(205.846.091)	(339.105.897)
Tại ngày 31/12/2014	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	960.044.030	60.910.599.947	46.952.150.962	198.392.508	629.439.175.337	2.180.949.189.408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2014</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước (SCIC)	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,47%	174.552.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,36%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	100%	1.400.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	167.400.000.000	168.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	167.400.000.000	168.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	139.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.910.599.947	30.075.806.000
Quỹ dự phòng tài chính	46.952.150.962	34.504.658.743
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	186.096.715
	108.061.143.417	64.766.561.458

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.504.179.940.394	4.939.157.673.301
Doanh thu bán hàng hóa	3.626.643.509.567	2.307.579.067.814
Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.510.394.780	127.914.620.392
Doanh thu về hợp đồng xây dựng	16.942.491.280	22.608.490.427
	<u>9.317.276.336.021</u>	<u>7.397.259.851.934</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	565.842.428.634	-
Giảm giá hàng bán	311.121.000	138.714.868
Hàng bán bị trả lại	16.099.914.815	9.037.952.311
	<u>582.253.464.449</u>	<u>9.176.667.179</u>

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	4.922.839.988.945	4.930.279.993.996
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	3.626.212.521.984	2.307.405.242.667
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	169.027.869.363	127.789.457.665
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	16.942.491.280	22.608.490.427
	<u>8.735.022.871.572</u>	<u>7.388.083.184.755</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.849.393.897.231	4.032.466.632.479
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.501.119.668.558	2.209.332.152.282
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107.569.866.761	66.347.302.547
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.332.916.889	20.721.249.050
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	379.581.473	60.746.354
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.401.134.820	(54.755.853)
	<u>7.480.197.065.732</u>	<u>6.328.873.326.859</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	35.035.291.563	48.256.237.208
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	751.539.661	1.027.889.843
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.310.897.049	609.066.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.955.530.864	2.093.294.335
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.549.323.027	791.063.721
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	147.890.910
	<u>62.602.582.164</u>	<u>52.925.442.017</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	66.136.795.496	92.961.435.440
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	5.501.421.532	6.866.875.351
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.713.573.200	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.482.886.567	3.442.184.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.030.579	2.874.807
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16.931.354.000)	1.571.903.900
Chi phí tài chính khác	1.146.782.416	431.384.386
	<u>63.051.135.790</u>	<u>105.276.658.262</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	17.282.331.582	15.529.713.878
Chi phí nhân công	40.586.108.123	24.330.328.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.273.182.595	1.914.688.665
Chi phí bảo hành	55.485.755.520	11.842.415.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.726.009.187	55.842.853.336
Chi phí khác bằng tiền	164.242.653.213	143.633.440.024
	<u>349.596.040.220</u>	<u>253.093.440.008</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	11.454.451.270	15.371.585.057
Chi phí nhân công	156.537.430.490	123.067.127.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.855.256.215	19.212.415.109
Thuế, phí, lệ phí	9.645.930.871	14.398.157.139
Chi phí dự phòng	25.730.481.566	19.395.483.775
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	16.620.685.542	-
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	6.320.587.755	-
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.789.208.269	19.395.483.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.435.659.556	23.894.169.200
Chi phí khác bằng tiền	88.843.073.968	78.818.819.657
	<u>344.502.283.936</u>	<u>294.157.757.185</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	7.684.358.781	5.723.057.347
Thu nhập từ bất lợi thương mại	-	985.647.191
Thu từ hỗ trợ lãi suất của Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước	3.069.280.284	4.130.692.928
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.144.800.000	-
Thu nhập khác	2.065.598.164	3.342.736.643
	<u>13.964.037.229</u>	<u>14.182.134.109</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	6.064.606.921	3.470.071.673
Chi phí lãi chậm nộp phải trả	36.964.348.246	-
Chi phí khác	2.188.369.601	2.084.966.123
	<u>45.217.324.768</u>	<u>5.555.037.796</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	125.251.885.162	123.722.511.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(1.382.096.668)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	699.270.984	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	125.951.156.146	122.340.415.219
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	278.121.146	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	37.830.446.341	25.420.561.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(126.701.164.385)	(109.930.530.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	37.358.559.248	37.830.446.341

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.956.053.745	2.975.489.987
	3.956.053.745	2.975.489.987
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	528.689.079	495.237.785
	528.689.079	495.237.785
	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	67.055.774	1.291.148.039
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	103.068.182	41.022.727
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.117.236.420)	(76.487.889)
	(947.112.464)	1.255.682.877

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	318.432.076.859	309.553.355.382
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	318.432.076.859	309.553.355.382
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	139.500.000	139.780.344
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.283	2.215

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.852.387.496.790	4.047.635.309.832
Chi phí nhân công	321.431.518.819	249.321.423.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.805.904.239	98.343.599.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.681.085.929	77.063.998.004
Chi phí khác bằng tiền	256.358.517.694	194.482.796.141
	4.640.664.523.471	4.666.847.127.623

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	494.352.346.689	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	931.887.643.128	(51.629.924.031)	1.045.295.820.032	(48.840.715.762)
Các khoản cho vay	288.210.857.173	-	269.925.392.042	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	24.230.756.200	(16.609.555.800)
Đầu tư dài hạn	11.049.239.076	(984.397.800)	11.915.508.445	(1.306.196.000)
	2.002.075.404.211	(52.614.321.831)	1.845.719.823.408	(66.756.467.562)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	834.630.802.649	785.645.194.150
Phải trả người bán, phải trả khác	915.895.557.261	948.386.070.325
Chi phí phải trả	86.709.024.960	95.285.536.955
	1.837.235.384.870	1.829.316.801.430

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	880.257.719.097	-	-	880.257.719.097
Các khoản cho vay	288.210.857.173	-	-	288.210.857.173
Đầu tư dài hạn	-	10.064.841.276	-	10.064.841.276
	1.939.396.241.104	10.064.841.276	-	1.949.461.082.380

TRAC
HÀN
HOA

CÔNG
SÁCH NIỀ
ANG KI
AA
TIN KIẾ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	494.352.346.689	-	-	494.352.346.689
Phải thu khách hàng, phải thu khác	996.455.104.270	-	-	996.455.104.270
Các khoản cho vay	269.925.392.042	-	-	269.925.392.042
Đầu tư ngắn hạn	7.621.200.400	-	-	7.621.200.400
Đầu tư dài hạn	-	10.609.312.445	-	10.609.312.445
	<u>1.768.354.043.401</u>	<u>10.609.312.445</u>	<u>-</u>	<u>1.778.963.355.846</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	<u>1.801.257.116.208</u>	<u>35.978.268.662</u>	<u>-</u>	<u>1.837.235.384.870</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	742.819.840.708	42.825.353.442	-	785.645.194.150
Phải trả người bán, phải trả khác	944.100.436.333	4.285.633.992	-	948.386.070.325
Chi phí phải trả	95.285.536.955	-	-	95.285.536.955
	<u>1.782.205.813.996</u>	<u>47.110.987.434</u>	<u>-</u>	<u>1.829.316.801.430</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Doanh thu			
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.936.141.500	3.084.318.500
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	460.799.962	456.436.326
Mua hàng			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	-	6.247.720.765
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	732.395.018.843	689.495.349.870
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	774.070.000	818.152.800
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	281.250.000	343.125.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	2.086.980.000	2.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	450.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	58.800.000.000	-
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	10.101.140.106	6.965.299.760

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.201.857.600	3.172.101.950
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	-	5.457.237
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	123.193.260.639	166.115.015.159
Phải thu vốn cho vay			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.174.265.563	405.652.800
Phải thu khác			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000

Số: 27/TBĐVN/NQ- ĐHCĐ

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2010 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ngày 01 tháng 8 năm 2016,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn, số hộ chiếu B7831170 cấp ngày 12/4/2013 tại Hà Nội làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kể từ ngày 16/7/2016 thay thế cho ông Phạm Mạnh Hà có Đơn xin rút không là Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Nhiệm kỳ của ông Nguyễn Văn Tuấn bắt đầu từ ngày 16/7/2016 đến hết nhiệm kỳ 2016 – 2020.

Điều 2. Thông qua Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kèm theo Tờ trình số 37/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty (Đề án chi tiết kèm theo Tờ trình số 37/TBĐVN/TTr-HĐQT đính kèm Nghị quyết này) với một số nội dung chính như sau:

- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với Vốn điều lệ dự kiến là 368 tỷ đồng (Ba trăm sáu mươi tám tỷ đồng Việt Nam). Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo



điện sẽ vận hành toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh thiết bị đo điện hiện nay của Tổng công ty.

- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với lĩnh vực hoạt động là kinh doanh bất động sản. Vốn điều lệ dự kiến của Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX dự kiến là 900 tỷ đồng (Chín trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực năng lượng, trên cơ sở thành lập Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng GELEX với vốn điều lệ dự kiến 600 tỷ đồng (Sáu trăm tỷ đồng Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các lĩnh vực khác liên quan tới điện. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng sẽ thực hiện đầu tư dự án mới hoặc thông qua hoạt động mua bán doanh nghiệp, mua bán các dự án đang triển khai trong lĩnh vực phát điện và các lĩnh vực khác liên quan đến điện.
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực Logistic thông qua việc mua cổ phần chi phối các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng biển, kinh doanh kho bãi, vận tải, dịch vụ logistics đang hoạt động tốt, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc thương thảo để mua lại cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans (mã chứng khoán STG). Tổng giá trị đầu tư vào lĩnh vực logistics dự kiến là 1.500 tỷ đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng công ty để nâng cao năng lực đầu tư và quản lý đầu tư.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị được toàn quyền chủ động tiến hành các công việc sau:
 - + Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để mở rộng, thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - + HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xây dựng phương án chi tiết, quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện, Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng.
 - + Lên kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện việc tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng Công ty.
 - + Thực hiện mọi công việc, thủ tục có liên quan khác để hoàn tất việc tái cấu trúc Tổng Công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 3. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đính kèm Tờ trình số 38/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Phương án phát hành chi tiết đính kèm Nghị quyết này) với một số nội dung chính như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:
 - + Tổng số vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu: dự kiến 1.390.500.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm chín mươi tỷ năm trăm triệu đồng).
 - + Phương án sử dụng vốn:
 - Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược: dự kiến 578.200.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ hai trăm triệu đồng).
 - Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và các doanh nghiệp khác: dự kiến 812.300.000.000 đồng (Tám trăm mười hai tỷ ba trăm triệu đồng).
- Ủy quyền cho HĐQT:
 - + Xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
 - + Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - + Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ này.

Điều 4. Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu kèm chứng quyền đính kèm Tờ trình số 39/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Phương án phát hành chi tiết đính kèm Nghị quyết này) với một số nội dung chính như sau:

4.1. Một số Điều kiện và điều khoản của trái phiếu:

1. Loại Trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyên đổi, có đảm bảo bằng tài sản hoặc không có đảm bảo bằng tài sản và kèm theo chứng quyền.
2. Số lượng Trái phiếu phát hành dự kiến:	2.000 (Hai nghìn) trái phiếu tương đương 2.000.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn tỷ đồng) tính theo mệnh giá. Trái phiếu có thể được phát hành theo nhiều đợt.
3. Đối tượng phát hành:	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Hình thức phát hành:	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp theo Nghị định số 90/2011/NĐ-CP thông qua đại lý phát hành
5. Kỳ hạn Trái phiếu:	Tối thiểu 01 (một) năm và tối đa 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát hành. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định kỳ hạn trái phiếu của từng đợt phát hành.
6. Mục đích phát hành:	<ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư, xây dựng dự án Khu phức hợp Khách sạn, Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê tại số 10 Trần Nguyễn Hãn; + Tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng công ty + Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản GELEX; - Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Năng lượng GELEX, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các dự án kinh doanh liên quan đến điện khác; - Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty - Các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, điều chỉnh, thay đổi mục đích phát hành phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và tình hình thị trường.

4.2. Một số Điều kiện và điều khoản của chứng quyền

1. Tổng số lượng chứng quyền phát hành:	2.000 (Hai nghìn) chứng quyền (với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được 01 (một) chứng quyền). Chứng quyền được phát hành thành nhiều đợt, số lượng Chứng quyền của mỗi đợt phát hành sẽ tương ứng với số lượng Trái Phiếu phát hành của từng đợt.
2. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền:	Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền là 50.000 (Năm mươi nghìn) cổ phần cho 01 (một) chứng quyền. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền (50.000 cổ phần) vừa nêu là số lượng cổ phần tính tương ứng với Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng/cổ phần.

3. Tổng số lượng cổ phần phát hành tối đa:	100.000.000 (Một trăm triệu) cổ phần
4. Loại cổ phần phát hành theo Chứng quyền:	Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
5. Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền:	Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo quy định tại bảng Điều kiện và Điều khoản của chứng quyền này. Trong mọi trường hợp, Giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
6. Thời điểm thực hiện Chứng quyền:	Chứng quyền kèm theo Trái phiếu của mỗi đợt phát hành được thực hiện tại các thời điểm sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành Trái phiếu đó.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau

- Quy định và xây dựng các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái phiếu và Chứng quyền bao gồm nhưng không hạn chế ở:
 - + Đối với Trái phiếu: số lượng phát hành, số đợt phát hành, kỳ hạn, lãi suất, kỳ trả lãi, ngày phát hành, ngày đáo hạn, kỳ xác định lãi suất, tài sản bảo đảm, điều chỉnh/thay đổi mục đích phát hành/Phương án sử dụng vốn phát hành, Phương án mua lại Trái phiếu trước hạn, các cam kết bổ sung khác đối với Người Sở Hữu Trái phiếu ...
 - + Đối với Chứng quyền: thời hạn, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền, số lần, số lượng Chứng quyền thực hiện từng đợt, thời điểm thực hiện Chứng quyền, trình tự thủ tục thực hiện quyền mua cổ phần, thực hiện việc phát hành cổ phần tương ứng tại mỗi thời điểm thực hiện Chứng quyền...
 - + Bổ sung các điều khoản, điều kiện chi tiết khác đối với Trái phiếu và Chứng quyền theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Toàn quyền đàm phán, thỏa thuận với các Nhà Đầu tư, tổ chức Tư vấn phát hành, Đại lý phát hành Trái phiếu và các tổ chức/cá nhân khác có liên quan;
- Lựa chọn nhà đầu tư mua Trái phiếu phù hợp, quyết định nội dung, ký kết các văn bản liên quan liên quan đến việc phát hành, Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng, tài liệu cần thiết cho việc phát hành và lưu hành Trái phiếu, Chứng quyền của mỗi đợt phát hành;
- Quy định phương án xử lý Trái phiếu không chào bán hết (nếu có);

- Toàn quyền thực hiện việc điều chỉnh phương án phát hành và các Điều khoản và Điều kiện cụ thể của Trái phiếu và Chứng quyền. Sửa đổi, bổ sung, thay đổi mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) đảm bảo việc huy động vốn của Tổng công ty được thành công và đúng quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi bổ sung phải đảm bảo có lợi nhất cho cổ đông và Tổng công ty;
- Thực hiện việc phát hành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm nhưng không hạn chế việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Tổng Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;
- Thực hiện thay đổi vốn điều lệ, chỉnh sửa Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thay đổi Đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số cổ phần tăng thêm sau khi Tổng công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tương ứng với từng thời theo phương án thực hiện Chứng quyền.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 40/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc sửa đổi 12 nội dung của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Hội đồng quản trị Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nội dung này vào Điều lệ, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UB Chứng khoán NN;
- Lưu VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Nguyễn Hoa Cường

Số: 45 /TBĐVN/BB- ĐHCĐ

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

A- Thời gian, địa điểm, thành phần :

1. Thời gian: 9h00 ngày 01 tháng 8 năm 2016
2. Địa điểm: Hội trường Cơ quan Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, Khu Công nghiệp Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh
3. Thành phần tham dự:
 - Hội đồng quản trị Tổng công ty;
 - Ban Kiểm soát Tổng công ty;
 - Ban Tổng giám đốc Tổng công ty;
 - Và 42 cổ đông, đại diện cho 123.927.710 cổ phần, chiếm 80,21% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

B - Nội dung Đại hội:

I. Khai mạc, Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

1. Ông Hoàng Phương: tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Ông Nguyễn Minh Nghĩa - thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra Thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông và Tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
 - Đến 9h07 ngày 01 tháng 8 năm 2016, tổng số cổ đông dự họp là: 42 cổ đông, đại diện 123.927.710 cổ phần, chiếm 80.21 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

- Kết luận: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

II. Giới thiệu Chủ tọa, Thư ký, Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội, Ban Kiểm phiếu.

1. Ông Hoàng Phương thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu Chủ tọa Đại hội gồm:

- Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Ông Nguyễn Trọng Tiểu - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Ông Võ Anh Linh - Ủy viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

2. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa giới thiệu Đoàn thư ký Đại hội gồm:

- Bà Trương Thị Hương Lan - Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
- Ông Phạm Minh Hiếu - Thư ký Tổng giám đốc Tổng công ty.

3. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu tại Đại hội gồm các ông:

- Ông Hồ Việt Đức, Giám đốc Xưởng Biến dòng - Biên áp 2 - Trưởng ban;
- Ông Phạm Thế Ngọc, Trưởng phòng Kỹ thuật - Ủy viên;
- Ông Đinh Văn Thái - Giám đốc Xưởng Cơ khí - Ủy viên.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu: Với số cổ phần biểu quyết tán thành là 123.927.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội, danh sách Ban kiểm phiếu đã được Đại hội thông qua. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

4. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa giới thiệu Chương trình Đại hội của Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội với kết quả biểu quyết tán thành là 123.927.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

5. Ông Nguyễn Trọng Tiểu thay mặt Chủ tọa giới thiệu Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội với kết quả biểu quyết tán thành là 123.927.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

- Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 9h20, có 46 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.003.710 cổ phần, chiếm 80,26% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.

III. Thông qua Tờ trình về việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2020:

- Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày nội dung Tờ trình về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn, số hộ chiếu B7831170 cấp ngày 12/4/2013 tại Hà Nội làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kể từ ngày 16/7/2016 thay thế cho ông Phạm Mạnh Hà có Đơn xin rút không là Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Nhiệm kỳ của ông Nguyễn Văn Tuấn bắt đầu từ ngày 16/7/2016 đến hết nhiệm kỳ 2016 – 2020.

- Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2020 với kết quả tán thành là 124.003.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội.

IV. Thông qua Tờ trình về Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty:

1. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày tóm tắt Đề án tái cấu trúc Tổng công ty với một số nội dung chính như sau:

- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với Vốn điều lệ dự kiến là 368 tỷ đồng (Ba trăm

- sáu mươi tám tỷ đồng Việt Nam). Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện sẽ vận hành toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh thiết bị đo điện hiện nay của Tổng công ty.
- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với lĩnh vực hoạt động là kinh doanh bất động sản. Vốn điều lệ dự kiến của Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX dự kiến là 900 tỷ đồng (Chín trăm tỷ đồng Việt Nam).
 - Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực năng lượng, trên cơ sở thành lập Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng GELEX với vốn điều lệ dự kiến 600 tỷ đồng (Sáu trăm tỷ đồng Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các lĩnh vực khác liên quan tới điện. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng sẽ thực hiện việc đầu tư dự án mới; hoặc mua bán doanh nghiệp, mua bán các dự án đang triển khai trong lĩnh vực phát điện và các lĩnh vực khác liên quan đến điện.
 - Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty sang lĩnh vực Logistic, thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua lại cổ phần chi phối của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng biển, kinh doanh kho bãi, vận tải, dịch vụ logistics đang hoạt động tốt, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc thương thảo để mua lại cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans (mã chứng khoán STG). Tổng giá trị đầu tư vào lĩnh vực logistics dự kiến là 1.500 tỷ đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng Việt Nam).
 - Tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng Công ty để nâng cao năng lực đầu tư và quản lý đầu tư.
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị được toàn quyền chủ động tiến hành các công việc sau:
 - + Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để mở rộng, thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - + HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xây dựng phương án chi tiết, quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện, Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng.
 - + Lên kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện việc tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng Công ty.
 - + Thực hiện tìm kiếm các đối tác để thương thảo, ký kết hợp đồng mua cổ phần, quyết định các vấn đề và thực hiện các thủ tục có liên quan khác để mua chi phối cổ phần của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans (mã chứng khoán STG) cũng như các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả khác trong lĩnh vực logistics theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty.

- + Thực hiện mọi công việc, thủ tục có liên quan khác để hoàn tất việc tái cấu trúc Tổng Công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Chủ tọa Đại hội điều hành thảo luận về nội dung Đề án.

- Không có ý kiến đóng góp nào của các cổ đông .

3. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Tờ trình về Đề án tái cấu trúc Tổng công ty.

- Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 9h42, có 49 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.034.510 cổ phần, chiếm 80,28%/ tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.

4. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Đề án Tái cấu trúc Tổng Công ty với kết quả tán thành là 124.034.510 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng họp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

V. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ của Tổng công ty:

Ông Võ Anh Linh thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ của Tổng công ty với một số nội dung chính như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ:

- + Tổng số vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu: dự kiến 1.390.500.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm chín mươi tỷ năm trăm triệu đồng)

- + Phương án sử dụng vốn:

- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho Cổ đông chiến lược: dự kiến 578.200.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ hai trăm triệu đồng).

- Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và các doanh nghiệp khác: dự kiến 812.300.000.000 đồng (Tám trăm mười hai tỷ ba trăm triệu đồng).
- Ủy quyền cho HĐQT
 - + Ủy quyền cho HĐQT xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
 - + Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - + Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành tăng Vốn điều lệ này.

VI. Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền:

Ông Võ Anh Linh thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày Tờ trình về Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền với một số nội dung chính như sau:

1.1. Một số Điều kiện và điều khoản của Trái phiếu:

1. Loại Trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản hoặc không có đảm bảo bằng tài sản và kèm theo chứng quyền.
2. Số lượng Trái phiếu phát hành dự kiến:	2.000 (Hai nghìn) trái phiếu tương đương 2.000.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn tỷ đồng) tính theo mệnh giá. Trái phiếu có thể được phát hành theo nhiều đợt.
3. Đối tượng phát hành:	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Hình thức phát hành:	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp theo Nghị định số 90/2011/NĐ-CP thông qua đại lý phát hành

5. Kỳ hạn Trái phiếu:	Tối thiểu 01 (một) năm và tối đa 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát hành. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định kỳ hạn trái phiếu của từng đợt phát hành.
6. Mục đích phát hành:	<ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư, xây dựng dự án Khu phức hợp Khách sạn, Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê tại số 10 Trần Nguyễn Hãn; + Tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng công ty + Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản GELEX; - Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Năng lượng GELEX, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các dự án kinh doanh liên quan đến điện khác; - Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty - Các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, điều chỉnh, thay đổi mục đích phát hành phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và tình hình thị trường.

1.2. Một số Điều kiện và điều khoản của chứng quyền

1. Tổng số lượng chứng quyền phát hành:	2.000 (Hai nghìn) chứng quyền (với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được 01 (một) chứng quyền). Chứng quyền được phát hành thành nhiều đợt, số lượng Chứng quyền của mỗi đợt phát hành sẽ tương ứng với số lượng Trái Phiếu phát hành của từng đợt.
2. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền:	Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền là 50.000 (Năm mươi nghìn) cổ phần cho 01 (một) chứng quyền. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền (50.000 cổ phần) vừa nêu là số lượng cổ phần tính tương ứng với Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng/cổ phần.
3. Tổng số lượng cổ phần phát hành tối đa:	100.000.000 (Một trăm triệu) cổ phần
4. Loại cổ phần phát hành theo Chứng quyền:	Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng

5. Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền:	Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo quy định tại bảng Điều kiện và Điều khoản của chứng quyền này. Trong mọi trường hợp, Giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
6. Thời điểm thực hiện Chứng quyền:	Chứng quyền kèm theo Trái phiếu của mỗi đợt phát hành được thực hiện tại các thời điểm sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành Trái phiếu đó.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau

- Quy định và xây dựng các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái phiếu và Chứng quyền bao gồm nhưng không hạn chế ở:
 - + Đối với Trái phiếu: số lượng phát hành, số đợt phát hành, kỳ hạn, lãi suất, kỳ trả lãi, ngày phát hành, ngày đáo hạn, kỳ xác định lãi suất, tài sản bảo đảm, điều chỉnh/thay đổi mục đích phát hành/Phương án sử dụng vốn phát hành, Phương án mua lại Trái phiếu trước hạn, các cam kết bổ sung khác đối với Người Sở Hữu Trái phiếu ...
 - + Đối với Chứng quyền: thời hạn, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền, số lần, số lượng Chứng quyền thực hiện từng đợt, thời điểm thực hiện Chứng quyền, trình tự thủ tục thực hiện quyền mua cổ phần, thực hiện việc phát hành cổ phần tương ứng tại mỗi thời điểm thực hiện Chứng quyền...
 - + Bổ sung các điều khoản, điều kiện chi tiết khác đối với Trái phiếu và Chứng quyền theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Toàn quyền đàm phán, thỏa thuận với các Nhà Đầu tư, tổ chức Tư vấn phát hành, Đại lý phát hành Trái phiếu và các tổ chức/cá nhân khác có liên quan;
- Lựa chọn nhà đầu tư mua Trái phiếu phù hợp, quyết định nội dung, ký kết các văn bản liên quan liên quan đến việc phát hành, Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng, tài liệu cần thiết cho việc phát hành và lưu hành Trái phiếu, Chứng quyền của mỗi đợt phát hành;
- Quy định phương án xử lý Trái phiếu không chào bán hết (nếu có);
- Toàn quyền thực hiện việc điều chỉnh phương án phát hành và các Điều khoản và Điều kiện cụ thể của Trái phiếu và Chứng quyền. Sửa đổi, bổ sung, thay đổi mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn (nếu cần

thiết) đảm bảo việc huy động vốn của Tổng công ty được thành công và đúng quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi bổ sung phải đảm bảo có lợi nhất cho cổ đông và Tổng công ty;

- Thực hiện việc phát hành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm nhưng không hạn chế việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Tổng Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;
- Thực hiện thay đổi Vốn điều lệ, chỉnh sửa Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thay đổi Đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số cổ phần tăng thêm sau khi Tổng công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tương ứng với từng thời theo phương án thực hiện Chứng quyền.

- Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 10h15 có 47 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.034.610 cổ phần, chiếm 80,28%/ tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.

VII. Đại hội thảo luận về nội dung Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ và Phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền:

1. Chủ tọa Đại hội điều hành thảo luận về nội dung hai Phương án.

- Cổ đông mang Mã số cổ đông dự họp số 0042, đại diện cho 9.000 cổ phần có ý kiến:

+ Trong Phương án sẽ đầu tư 812 tỷ đồng vào lĩnh vực logistic, trong đó có kế hoạch mua lại Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam STG với tỷ lệ nắm giữ chi phối. Nếu chi phối thì dự kiến tỷ lệ là bao nhiêu. Nếu giá đàm phán quá cao thì liệu Phương án có thành công như dự kiến của HĐQT?

+ HĐQT có Phương án đầu tư tiếp vào CADIVI không trong trường hợp CADIVI tăng vốn?

+ Dự án Trần Nguyên Hãn đã có quy hoạch kiến trúc chưa? Theo Phương án cũ thì sẽ hợp tác với một số nhà đầu tư khác. Nhưng trong Phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền thì một trong những mục đích là tạo nguồn vốn đầu tư cho Dự án này, trong khi dòng tiền từ Dự án sẽ chậm so với thời hạn trái phiếu phát hành. Liệu có rủi ro cho quá trình thanh toán Trái phiếu?

+ Việc đầu tư vào năng lượng, sẽ đầu tư trực tiếp hay mua lại Dự án? Thủy điện hay nhiệt điện?

+ Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng. Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công tơ điện tử hiện đang phát triển như thế nào?

- Ông Võ Anh Linh:

+ Khi xác định đầu tư vào Sotrans với số lượng cổ phần chi phối thì chắc chắn sẽ mua trên 51% Vốn điều lệ. Giá mua sẽ được xác định trên cơ sở thuê 02 công ty chứng khoán có uy tín trên thị trường để nghiên cứu, tư vấn mức giá mua phù hợp.

+ Trong 812 tỷ đồng đầu tư vào lĩnh vực logistic sẽ dùng để mua Sotrans và các doanh nghiệp khác.

+ Khi đưa kế hoạch phát hành trái phiếu, Tổng công ty có kết quả hoạt động kinh doanh tốt, đảm bảo dòng tiền đủ chi trả gốc trái phiếu cho dù các trái chủ không thực hiện chứng quyền.

+ Dự kiến tập trung vào lĩnh vực thủy điện và sẽ nghiên cứu lĩnh vực nhiệt điện với định hướng mua các doanh nghiệp thủy điện đang hoạt động.

- Ông Nguyễn Hoa Cường:

+ GELEX hiện đang sở hữu những đơn vị thành viên có kết quả kinh doanh tốt như: CADIVI, THIBIDI, ...

+ Công ty CADIVI là thương hiệu mà GELEX luôn muốn nắm tỷ lệ sở hữu cổ phần lớn. Trong trường hợp CADIVI tăng vốn, GELEX chắc chắn sẽ mua hết số cổ phần được quyền mua.

+ Dự án Trần Nguyên Hãn: tiếp tục được khởi động và hoàn thành các thủ tục có liên quan. Đã có văn bản qui hoạch kiến trúc tổng thể nhưng tới thời điểm nay Thành phố đang yêu cầu điều chỉnh lại. GELEX đã ký Hợp đồng hợp tác với 02 đối tác để thực hiện Dự án nhưng do việc chuyển quyền đầu tư cho pháp nhân mới là Công ty liên doanh sẽ khó khăn nên GELEX sẽ chủ động phối hợp với các đối tác hoàn tất thủ tục pháp lý có liên quan trước khi thành lập Công ty liên doanh.

- Ông Nguyễn Trọng Tiếu:

+ Kết thúc 6 tháng đầu năm, Tổng Công ty đã đạt kết quả hoạt động SXKD tương đối khả quan với 244 tỷ đồng lợi nhuận so với 232 tỷ đồng cùng kỳ năm 2015.

+ Logistic là mảng thị trường có nhiều tiềm năng. Với kinh nghiệm của các nhà đầu tư mới, GELEX có điều kiện để đầu tư và phát triển lĩnh vực dịch vụ logistic. HĐQT cam kết khi đàm phán mua lại các công ty này sẽ luôn đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn cho cổ đông.

2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và Phương án Phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền của Tổng công ty bằng hình thức thu Phiếu biểu quyết.

3. Với kết quả tán thành là 124.034.610 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội, Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ của Tổng công ty đã được Đại hội biểu quyết thông qua. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

4. Với kết quả tán thành là 124.034.610 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội, Phương án phát hành Trái phiếu kèm Chứng quyền đã được Đại hội biểu quyết thông qua. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

VIII. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam:

1. Ông Nguyễn Trọng Tiểu thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày nội dung Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam gồm 12 nội dung (chi tiết như Phụ lục kèm theo Hồ sơ Đại hội).

2. Chủ tọa Đại hội điều hành thảo luận về nội dung sửa đổi Điều lệ:

- *Không có ý kiến đóng góp nào của các cổ đông.*

3. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua 12 nội dung sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam với kết quả tán thành là 124.034.610 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

- *Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 11h35 có 42 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.002.010 cổ phần, chiếm 80,26%/ tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.*

IX. Ban Kiểm phiếu báo cáo Tổng hợp kết quả kiểm phiếu biểu quyết:

Ông Hồ Việt Đức thay mặt Ban Kiểm phiếu báo cáo Tổng hợp Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã được biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

X. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016:

1. Bà Trương thị Hương Lan - thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016.

2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Biên bản Đại hội với kết quả tán thành là 124.002.010 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

4. Bà Trương thị Hương Lan - thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

5. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam với kết quả tán thành là 124.002.010 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

XI- Ông Nguyễn Hoa Cường tuyên bố bế mạc Đại hội.

TM/ ĐOÀN THƯ KÝ



Trương Thị Hương Lan

TM/ CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Hoa Cường

Số: 38 /TBĐVN/TTr- HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2016

TỜ TRÌNH

(Về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng công ty năm 2016 theo **Phương án phát hành đính kèm** Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến biểu quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký TCTy;
- Lưu VP HĐQT.

**TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoa Cường

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(đính kèm Tờ trình số 38/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016)

1. Căn cứ pháp lý cho việc phát hành cổ phiếu:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

2. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Địa chỉ: Số 52, Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 39726245/46, (84-4) 38257979
- Fax: (84-4) 39726282, (84-4) 38260735
- Website: www.gelex.vn
- Vốn điều lệ: 1.550.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: GEX
- Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- ✓ Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- ✓ Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- ✓ Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- ✓ Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- ✓ Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất và Kế hoạch kinh doanh năm 2016 - 2018

▪ Kết quả kinh doanh hợp nhất trong 03 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)
Tổng tài sản	4.736.796	5.146.416	4.917.504
Vốn điều lệ	1.400.000	1.400.000	1.550.000
Doanh thu thuần	7.388.083	8.735.023	8.382.707
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	459.607	604.483	571.329
Lợi nhuận trước thuế	535.206	573.229	574.403
Lợi nhuận sau thuế	411.609	448.225	455.996
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	309.553	318.432	321.996
Tỷ lệ trả cổ tức (% Mệnh giá)	12%	12%	10%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, 2014 và 2015 của GELEX

▪ Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2016 – 2018

Chỉ tiêu	Năm 2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)	Năm 2018 (triệu đồng)
Vốn điều lệ	2.322.500	2.822.500	3.322.500
Doanh thu thuần	12.353.277	14.430.460	16.188.387
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.358.674	1.248.615	1.443.606
Lợi nhuận trước thuế	1.418.674	1.248.615	1.443.606
Lợi nhuận sau thuế	1.168.610	1.043.721	1.207.601
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	763.880	722.816	833.296
EPS (đồng/cổ phần)	3.289	2.561	2.508
Tỷ lệ trả cổ tức (% Mệnh giá)	10%	10%	10%

Nguồn: GELEX

4. Sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ

Thực hiện kế hoạch tái cấu trúc Tổng công ty theo mô hình tập đoàn, theo đó, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty sẽ được mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng và mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh cụ thể sẽ do từng công ty con tổ chức thực hiện. Đối với các Công ty con, công ty liên kết hiện tại có hiệu quả kinh doanh và tiềm năng phát triển tốt, Tổng công ty sẽ tăng tỷ lệ sở hữu thông qua việc tham gia mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược. Việc tái cấu trúc Tổng công ty nhằm các mục tiêu chính như sau:

- Tách bạch hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp và hoạt động đầu tư, quản lý vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.
- Tổ chức hoạt động sản xuất đối với từng lĩnh vực cụ thể tại từng công ty nhằm tăng tính chuyên nghiệp, chuyên sâu của từng Công ty con trong lĩnh vực phụ trách, từ đó nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh

- Cấu trúc lại bộ máy Tổng công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động đầu tư chiến lược và quản lý vốn đầu tư. Tổng công ty sẽ tập trung hiệu quả hơn vào các chức năng định hướng chiến lược, kế hoạch cho công ty con; Hỗ trợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phối kết hợp giữa các đơn vị trong Tổng công ty; Theo dõi, giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên; Thực hiện hoạt động đầu tư chiến lược; Phát triển thương hiệu chung; Xây dựng và phát triển quan hệ với đối tác, với cơ quan quản lý
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh sang các lĩnh vực có tiềm năng như logistic, năng lượng, bất động sản nhằm tận dụng các lợi thế hiện có và sự tương hỗ giữa Tổng công ty với các công ty con, tận dụng các cơ hội trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam mang lại.

Để mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực tiềm năng nêu trên một cách nhanh chóng, hiệu quả và minh bạch, Tổng công ty dự kiến sẽ tiến hành các hoạt động mua cổ phần của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành nghề, lĩnh vực đó theo đúng các quy định liên quan của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

5. Phương án phát hành:

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam xây dựng và đề xuất phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu như sau:

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.550.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành trước khi phát hành: 154.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thỏa thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
- Xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết:
 - Đối với cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định Phương án xử lý, đảm bảo đợt chào bán tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Tổng công ty và cổ đông; bao gồm nhưng không hạn chế ở việc phân phối lại cho các đối tượng khác với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần; hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc bảo lãnh phát hành một phần hoặc toàn bộ số cổ phần từ chối mua với giá cổ phần nhận bảo lãnh là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.

- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Số lượng cổ phần do đơn vị bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành được tự do chuyển nhượng.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép
- Xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành:
 Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số lượng cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng...
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 2.322.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sau khi phát hành: 232.250.000 cổ phần
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:
 - Tổng số vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu: 1.390.500.000.000 đồng
 - Phương án sử dụng vốn:
 - Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược: dự kiến 578.200.000.000 đồng.
 - Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và các doanh nghiệp khác: dự kiến 812.300.000.000 đồng.

(Một số thông tin chính về Công ty cổ phần Thiết bị điện, Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và kế hoạch mua cổ phần của Tổng công ty được đính kèm tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

Ủy quyền cho HĐQT lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

- Nguyên tắc xác định giá phát hành được dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.
 - ✓ Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2015

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – Số lượng Cổ phiếu quỹ}} \\
 &= \frac{2.981.559.990.574 - 455.332.932.118}{155.000.000 - 500.000} = 16.351 \text{ đồng/cổ phần}
 \end{aligned}$$

- ✓ Giá thị trường của cổ phiếu GEX tại thời điểm cuối ngày 30/06/2016 là: 24.500 đồng/cổ phần
- ✓ Giá pha loãng của cổ phiếu GEX:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{Pt + Pr1 \cdot I1}{1 + I1}$$

$$= \frac{25.000 + [18.000 \cdot (1/2)]}{1 + 1/2} = 22.667 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

- Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- Pt: 25.000 đồng/cổ phần (Giá thị trường giả định của cổ phiếu tại ngày phát hành);
- Pr1: 18.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu);
- I1: 1/2 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ tăng vốn này được tính = 77.250.000 cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu/154.500.000 cổ phần đang lưu hành).

Đợt phát hành cổ phiếu của Tổng công ty được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường, giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, ĐHĐCĐ quyết định giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 18.000 đồng/cổ phần.

- ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ủy quyền cho HĐQT
 - Ủy quyền cho HĐQT xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - Sau khi hoàn thành toàn bộ các công việc phát hành, ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thay đổi đăng ký kinh doanh liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành.
 - Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
 - Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ này.



PHỤ LỤC 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ KẾ HOẠCH MUA CỔ PHẦN

1. Thông tin về Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 09, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84-61) 383 6139 - 383 6140 - 383 6897
- Fax: (84-61) 383 6070
- Website: www.thibidi.com
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - ✓ Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - ✓ Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - ✓ Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - ✓ Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
 - ✓ Thiết kế các công trình thiết bị điện;
 - ✓ Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - ✓ Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - ✓ Cho thuê văn phòng.
- Kết quả kinh doanh hợp nhất trong 03 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)
Tổng tài sản	821.489	966.158	1.105.327
Vốn điều lệ	120.000	120.000	180.000
Doanh thu thuần	1.592.033	1.834.265	2.125.397
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	104.857	137.583	228.131
Lợi nhuận trước thuế	105.841	137.805	228.491
Lợi nhuận sau thuế	72.870	102.643	182.397
Cổ tức (% Mệnh giá)	25%	25%	40%

2. Mục tiêu của việc mua cổ phần

- Bổ sung nguồn vốn để Thibidi mở rộng sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng tối thiểu 10%/năm trong 3 năm tới;

- Tăng tỷ lệ sở hữu chi phối Thibidi, đơn vị mạnh và được xác định là chủ lực của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất máy biến thế. Từ đó giúp THIBIDI ổn định để phát triển ngành thiết bị điện thông qua việc Tổng Công ty sẽ chủ động hơn trong việc hỗ trợ THIBIDI về nhân sự cao cấp; nguồn tài chính và đảm bảo tài chính; hoạch định chiến lược phát triển; định hướng phát triển, đầu tư trang thiết bị công nghệ; hỗ trợ về quan hệ với đối tác, khách hàng, cơ quan quản lý.
- Với việc tăng vốn điều lệ của THIBIDI và sự gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần THIBIDI của Tổng công ty, dự kiến kế hoạch kinh doanh của THIBIDI trong giai đoạn 2016 – 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)	Năm 2018 (triệu đồng)
Vốn điều lệ	488.000	488.000	488.000
Doanh thu thuần	2.300.000	2.530.000	2.800.000
Lợi nhuận trước thuế	210.000	250.000	300.000
Lợi nhuận sau thuế	168.000	200.000	240.000
Cổ tức (% trên mệnh giá)	25%	25%	25%

3. Kế hoạch mua cổ phần

- Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại: 7.819.264 cổ phần (chiếm 43,44% Vốn điều lệ THIBIDI)
- Số lượng cổ phần dự kiến mua: 23.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau khi mua: 34.546.969 cổ phần (bao gồm 23.600.000 cổ phần mua thêm nêu trên và 3.127.705 cổ phần Tổng Công ty được hưởng thông qua việc THIBIDI phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu), chiếm 70,79% Vốn điều lệ THIBIDI sau khi THIBIDI thực hiện thành công phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/TBĐ/NQ – ĐHĐCĐ ngày 27/06/2016.
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 05 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 24.500 đồng/cổ phần
- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược theo Phương án phát hành tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III – Quý IV/2016
- Tổng số tiền để mua cổ phần: 578,2 tỷ đồng

PHỤ LỤC 2. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM VÀ KẾ HOẠCH MUA CỔ PHẦN

1. Thông tin về Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (Sotrans)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam
- Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3826 6594
- Fax: (84-8) 3826 6593
- Website: www.sotrans.com.vn
- Vốn điều lệ: 275.606.980.000 đồng *(Tại thời điểm GELEX thông qua Phương án phát hành này, CTCP Kho vận Miền Nam đang tiến hành thủ tục tăng vốn điều lệ lên 854,382 tỷ đồng, dự kiến STG sẽ hoàn thành đợt tăng vốn trong Quý III/2016)*
- Mã chứng khoán: STG
- Sàn niêm yết: HOSE
- Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Vũ Thành - Tổng Giám đốc
- Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Văn Tuấn
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
 - Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức;
 - Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyên nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa;
 - Đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
 - Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.
- Các công ty con và công ty dự kiến mua cổ phần chi phối

Sotrans hiện đang sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín (Bảo Tín), và đang thực hiện việc mua cổ phần để sở hữu ở mức 75% vốn điều lệ của Tổng công ty cổ phần Đường sông miền Nam (Sowatco - mã CK: SWC) và 75% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức (Vietranstimex – mã CK: VTX). Các doanh nghiệp này giúp hoàn thiện chuỗi logistics của Sotrans, giúp Sotrans có thể cung cấp chuỗi dịch vụ logistics với nhiều giá trị cho khách hàng, bao gồm các dịch vụ điều phối, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ cảng biển. Thông tin về các đơn vị này được trình bày tại Đề án tái cấu trúc Tổng công ty.

Kết quả kinh doanh trong 03 năm gần nhất của các công ty con và công ty dự kiến mua cổ phần chi phối

- Tổng Công ty cổ phần Đường sông miền Nam

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	1.311.295.454	1.104.017.032	1.123.682.285
Vốn chủ sở hữu	904.567.800	926.427.758	973.258.850
Vốn điều lệ	671.000.000	671.000.000	671.000.000
Doanh thu thuần	1.023.605.630	489.928.198	216.048.425
Lợi nhuận thuần	40.628.589	29.556.520	70.675.105
Lợi nhuận sau thuế	37.221.379	45.508.341	67.051.999

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Sowatco năm 2014, 2015)

- Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	508.442.292	385.264.432	346.540.056
Vốn chủ sở hữu	229.761.506	234.041.724	238.001.920
Vốn điều lệ	209.723.210	209.723.210	209.723.210
Doanh thu thuần	378.448.159	488.714.099	580.411.232
Lợi nhuận thuần	-9.011.891	-20.073.565	17.698.055
Lợi nhuận sau thuế	1.158.326	6.882.073	18.280.488

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của VTX năm 2014, 2015)

- Công ty cổ phần Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015
Tổng tài sản	21.641.788.601
Vốn chủ sở hữu	14.087.561.394
Vốn điều lệ thực góp	890.000.000
Vốn điều lệ theo đăng ký	14.080.000.000
Vốn điều lệ đăng ký thay đổi tại 14/4/2016	28.740.000.000
Doanh thu thuần	59.042.690.398
Lợi nhuận thuần	13.197.561.394
Lợi nhuận sau thuế	13.197.561.394

(Nguồn: Báo cáo tài chính của CTCPTM và Tiếp Vận Quốc Tế Bảo Tín năm 2015)

- Kết quả kinh doanh hợp nhất 3 năm gần nhất của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	187.517.781	256.243.027	672.011.394
Vốn chủ sở hữu	135.783.880	153.180.381	179.359.814
Vốn điều lệ	83.518.570	83.518.570	137.803.490
Doanh thu thuần	661.257.037	872.723.744	1.010.596.638
Lợi nhuận thuần	30.966.697	34.356.439	36.265.524
Lợi nhuận sau thuế	24.061.425	28.064.995	25.599.454

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Sotrans năm 2014, 2015)

- Kế hoạch kinh doanh hợp nhất dự kiến của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam sau khi hoàn tất việc mua cổ phần của Sowatco và Vietransimex

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Vốn điều lệ	854.381.620	854.381.620	854.381.620
Doanh thu thuần	2.122.918.781	3.161.119.032	3.742.734.591
Lợi nhuận thuần	696.442.052	345.283.944	441.642.111
Lợi nhuận trước thuế	756.442.052	345.283.944	441.642.111
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	612.227.942	294.460.619	379.434.180
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	470.241.151	243.113.001	316.034.451

2. Mục tiêu của việc mua cổ phần

- Nhanh chóng mở rộng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực logistic thông qua việc mua lại cổ phần đến mức chi phối của các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển tốt, có khả năng cung cấp chuỗi dịch vụ khép kín, có hệ thống kho bãi cầu cảng tại các khu vực trọng điểm kinh tế của đất nước;
- Ngoài việc mang lại hiệu quả kinh doanh cho Tổng công ty, lĩnh vực logistic còn có ảnh hưởng tương hỗ, hỗ trợ tích cực các lĩnh vực hoạt động khác của Tổng công ty.

3. Kế hoạch mua cổ phần

- Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi mua: tỷ lệ sở hữu chi phối
- Loại cổ phần mua: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá mua dự kiến: Căn cứ vào định giá của 2 đơn vị tư vấn độc lập. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 2 đơn vị tư vấn xác định giá cổ phần STG, trong số các Công ty chứng khoán sau:
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI);
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC);

- Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS);
- Công ty TNHH Chứng khoán NH TMCP Ngoại thương Việt nam (VCBS);
- Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả xác định giá của các đơn vị tư vấn để quyết định mức giá mua cổ phần STG trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và Tổng Công ty.

- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, quy định của Tổng công ty.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III – Quý IV/2016

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

---***---

Số: 37 /TBĐVN-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

V/v: Thông qua việc xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán đã được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-DHĐCĐ ngày 01/8/2016;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 62.....ngày 26/9.../2016;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016:

- Đối với cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, được phân phối lại cho các đối tượng khác với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Số lượng cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn được tự do chuyển nhượng.

Điều 2: Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, thực hiện các thủ tục xin phép các cấp có thẩm quyền về việc chào bán cổ phần đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BKS;
- Lưu HC.



NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

V/v: Thông qua Phương án sử dụng chi tiết nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/8/2016;
- Căn cứ tình hình thực tế nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược	578.200
2	Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, cụ thể mua cổ phiếu Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam	812.300
	Tổng cộng	1.390.500

1. Kế hoạch mua cổ phần Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Công ty cổ phần Thiết bị điện số 07/TBĐ/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2016;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/8/2016;

Kế hoạch mua cổ phần:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thiết bị điện



- Vốn điều lệ hiện tại: 252.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần do GELEX nắm giữ hiện tại: 10.946.969 cổ phần (chiếm 43,44% Vốn điều lệ THIBIDI)
- Số lượng cổ phần dự kiến mua thêm: 23.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau khi mua thêm: 34.546.969 cổ phần (bao gồm 23.600.000 cổ phần mua thêm nêu trên và 3.127.705 cổ phần Tổng Công ty được hưởng thông qua việc THIBIDI phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu), chiếm 70,79% Vốn điều lệ THIBIDI sau khi THIBIDI thực hiện thành công phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHCĐ số 07/TBĐ/NQ – ĐHCĐ ngày 27/06/2016.
- Loại cổ phần được mua: Cổ phần phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 05 năm kể từ ngày THIBIDI hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá mua: 24.500 đồng/cổ phần
- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược theo Phương án phát hành tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ của THIBIDI thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Công ty cổ phần Thiết bị điện số 07/TBĐ/NQ-ĐHCĐ ngày 27/06/2016;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2016
- Tổng số tiền dự kiến để mua cổ phần: 578,2 tỷ đồng

2. Kế hoạch mua cổ phần Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (STG):

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01/8/2016;

Kế hoạch mua cổ phần

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam
- Mã chứng khoán: STG
- Sàn niêm yết: HOSE
- Vốn điều lệ: 854.378.790.000 đồng
- Số lượng cổ phần STG đang lưu hành: 85.437.879 cổ phần
- Số lượng cổ phần GELEX nắm giữ hiện tại: 0 cổ phần
- Mục đích sở hữu của GELEX tại STG: nắm giữ tỷ lệ sở hữu chi phối
- Loại cổ phần mua: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Giá mua dự kiến: Hội đồng quản trị sẽ căn cứ trên kết quả xác định giá của các đơn vị tư vấn độc lập để quyết định mức giá mua cổ phần STG trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Hội đồng quản trị sẽ tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần STG theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy định của Tổng Công ty.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2016
- Tổng số tiền dự kiến để mua cổ phần: 812,3 tỷ đồng

Điều 2: Thông qua phương án xử lý trong trường hợp số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng.

Điều 3: Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, thực hiện các thủ tục xin phép các cấp có thẩm quyền về việc chào bán cổ phần đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu HC.



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán đã được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-DHĐCĐ ngày 01/8/2016;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 58/2016/TBĐVN/BB-HĐQT ngày 12/9/2016;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016, cụ thể như sau:

a. Mục đích chào bán:

- Phát triển lĩnh vực truyền thông của Tổng Công ty thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty con.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh sang các lĩnh vực có tiềm năng như logistic, năng lượng, bất động sản nhằm tận dụng các lợi thế hiện có và sự tương hỗ giữa Tổng công ty với các công ty con, tận dụng các cơ hội trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam mang lại.

b. Phương án chào bán:

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.550.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành trước khi phát hành: 154.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu



- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thoả thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
- Xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết:
 - Đối với cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, được phân phối lại cho các đối tượng khác với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc bảo lãnh phát hành một phần hoặc toàn bộ số cổ phần từ chối mua với giá cổ phần nhận bảo lãnh là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.
 - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Số lượng cổ phần do đơn vị bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành được tự do chuyển nhượng.
 - Số lượng cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn được tự do chuyển nhượng.
- Xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành:

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số lượng cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, HĐQT sẽ thực hiện các giải pháp như sau:

 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng...
- Thời gian thực hiện phát hành: sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép, dự kiến trong Quý IV/2016 đến Quý I/2017
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 2.322.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sau khi phát hành: 232.250.000 cổ phần

Điều 2: Thông qua kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (triệu đồng)
1	Mua cổ phần Công ty cổ phần Thiết bị điện	578.200
2	Mua cổ phần Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam	812.300
	Tổng cộng	1.390.500

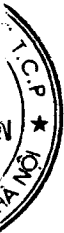
0512
 NG TY
 HẠN
 BỊ DIỆ
 NAM
 KG - TP

Thời điểm dự kiến để tiến hành việc đầu tư là Quý IV/2016 đến Q1/2017.

Điều 3: Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, thực hiện các thủ tục xin phép các cấp có thẩm quyền về việc chào bán cổ phần đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu HC.



NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
Về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016;
- Căn cứ tình hình thực tế nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

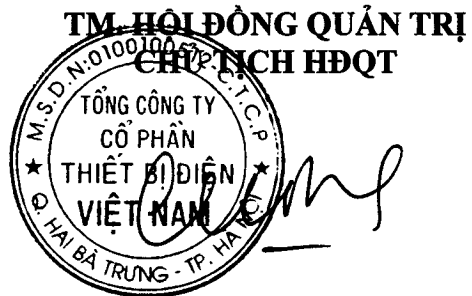
- Điều 1:** Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, gồm:
- Giấy đăng ký chào bán CP ra công chúng;
 - Bản cáo bạch;
 - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Điều lệ Công ty;
 - Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và năm 2015; Báo cáo tài chính Quý gần nhất (Công ty mẹ và hợp nhất)
 - Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua phương án tăng vốn điều lệ;
 - Thông tin về người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của tổ chức chào bán;
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng;
 - Nghị quyết về việc đăng ký mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu;
 - Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
 - Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán gần nhất;
 - Bản sao Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng;

- Các tài liệu khác liên quan đến hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Điều 2:** Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai việc xin phép phát hành với Ủy ban chứng khoán nhà nước và tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý tiếp theo để việc chào bán được thực hiện trong thời gian sớm nhất.
- Điều 3:** Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện cũng như vấn đề phát sinh đột xuất (nếu có).
- Điều 4:** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- BKS;
- Lưu HC.



NGUYỄN HOA CƯƠNG